

thực như: đào hàng ngàn giếng khơi, xây hố xí hai ngăn, cải tạo xóm làng, đồng ruộng.

Phong trào bỏ túc văn hoá, công tác giáo dục tiếp tục được tăng cường. Ngày 24-10-1964, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết số 19 về công tác bỏ túc văn hoá và phổ cập vỡ lòng, phổ thông. Tiếp đó, ngày 16-12-1965, Huyện uỷ ra Chỉ thị số 07 về việc *Đẩy mạnh cuộc vận động đi học bỏ túc văn hoá mùa Xuân, hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về xóa nạn mù chữ*. Quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Huyện uỷ, các địa phương trong huyện đã đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ. Đến đầu năm 1965 có 8.342 học viên theo học các lớp bỏ túc, trong đó, có gần 3.000 cán bộ chủ chốt, chiếm trên 80% số cán bộ. Giáo dục phổ thông các cấp được chú trọng. Năm 1964, số học sinh vỡ lòng có 4.623 em; học sinh cấp I có 16.063 em, chiếm 84% học sinh trong độ tuổi đến lớp. Đến cuối năm 1965, Bình Lục căn bản phổ cập vỡ lòng và giáo dục cấp I với trên 90% học sinh trong độ tuổi đến lớp.

Nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đặt ra cấp thiết hơn. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ Hà Nam về tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Đại hội Đảng bộ huyện (tháng 5-1964) đã ra Nghị quyết chuyên đề về việc *Xây dựng lực lượng vũ trang*. Từ năm 1963 đến năm 1968 đồng chí Đỗ Văn Tuyên liên tục được bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Huyện uỷ chỉ đạo ngành quân sự và

các địa phương đẩy nhanh công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và tích cực phục vụ chiến đấu. Năm 1965, có 1.868 thanh niên dân quân bổ sung cho bộ đội thường trực; 5.000 thanh niên đăng ký tình nguyện xung phong ra mặt trận chống Mỹ. Tất cả các đội sản xuất trong huyện đều có lực lượng dân quân tự vệ. Dân quân tự vệ tăng từ 6,8% dân số năm 1964 lên 11,7% năm 1965. Lực lượng dân quân du kích đã tích cực tham gia phục vụ chiến đấu như tiếp tế đạn, tải thương. Bên cạnh đó, để sẵn sàng chiến đấu, huyện xây dựng các tổ chiến đấu thường xuyên (73 tổ với 357 người và 342 khẩu súng), bán thường xuyên (91 tổ gồm 327 người và 326 khẩu súng). Sơ kết phong trào dân quân tự vệ năm 1965, xã Nguyễn Bình và trung đội nữ thôn Bùi xã Trịnh Xá được Tỉnh đội công nhận đạt danh hiệu đơn vị Quyết thắng .

Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đẩy mạnh. Tháng 6-1965, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 27 về trị an quốc phòng và phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ trị an, bảo mật trừ gian. Năm 1965, toàn huyện có 4.391 hộ đăng ký tham gia phong trào, trong đó có 1.112 gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình *Giương mẫu bảo vệ trị an*.

Hệ thống chính trị các cấp ngày càng được củng cố. ý thức tham gia quản lý Nhà nước và trách nhiệm công dân của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng cao một bước. Cuộc bầu cử Quốc hội (khoá III) ngày 26-4-1964 diễn ra trong không khí dân chủ, phấn khởi và đoàn kết. Bình Lục là địa phương có số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ cao nhất tỉnh (99,7%).

Các đoàn thể quần chúng được củng cố và hoạt động mạnh mẽ. Đoàn Thanh niên tổ chức hàng chục đội xung kích trên các mặt trận: làm thủy lợi, làm bèo hoa dâu, cải tiến kỹ thuật, đắp đập, chống hạn. Thiếu nhi Bình Lục hưởng ứng tích cực phong trào *Nghìn việc tốt*. Thanh niên phát động phong trào *Ba sẵn sàng, Ba xung kích*. Phụ nữ tham gia tích cực phong trào *Ba đảm đang, Ba đảm nhiệm, Tay cày, tay súng*.

Song song với lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, từng bước phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội, 2 năm (1964-1965), Đảng bộ Bình Lục chú trọng công tác xây dựng đảng về mọi mặt. Trong bối cảnh vừa xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, Huyện uỷ tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm giúp cán bộ, đảng viên nắm vững những nhiệm vụ cách mạng mới. Huyện đã tổ chức các lớp học tập Nghị quyết Trung ương 9 (khoá III); Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng lực lượng vũ trang và Nghị quyết xây dựng chi bộ và đảng viên 4 tốt của Tỉnh uỷ Hà Nam. Trên 90% đảng viên đã tham gia các lớp học này. Bên cạnh đó, năm 1964, Huyện uỷ mở 8 lớp về công tác xây dựng đảng cho 353 cán bộ, đảng viên; cử 121 cán bộ đi học các lớp do trường Đảng tỉnh mở.

Để nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng, ngày 4-1-1964, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 35 về việc tiến hành đại hội chi bộ và bầu cấp uỷ cơ sở. Huyện uỷ lãnh đạo chặt chẽ việc tổ chức đại hội và qui trình bầu cử các cấp

ủy cơ sở, đồng thời kiện toàn các cấp ủy theo hướng trẻ hoá ủy viên cấp ủy. Phong trào xây dựng đảng bộ, chi bộ và đảng viên 4 tốt phát triển mạnh. Trên 90% đảng viên tham gia học tập nghị quyết của Tỉnh về vấn đề này... Trong đợt chỉnh huấn mùa Xuân năm 1965, có 1.653/1.703 đảng viên tham gia chỉnh huấn đạt 96,95%. Qua chỉnh huấn, số đảng viên yếu kém giảm từ 37 đồng chí năm 1964 xuống còn 25 đồng chí năm 1965. Kết quả xây dựng Chi bộ 4 tốt năm 1964: có 11 Chi bộ loại A chiếm 35,4%; 17 chi bộ loại B chiếm 63,7% và 3 chi bộ loại C, chiếm 0,9%. Sáu tháng đầu năm 1965 có 13 chi bộ loại A, chiếm 42%; 16 chi bộ loại B, chiếm 57,4% và 2 Chi bộ loại C, chiếm 0,6%. Số đảng viên 4 tốt năm 1964 đạt 44,6%, 6 tháng đầu năm 1965 đạt 47%. Công tác phát triển đảng được chú trọng, 6 tháng đầu năm 1965 phát triển được 148 đảng viên, bằng cả năm 1964. Việc thường xuyên chú trọng công tác xây dựng đảng đã tạo nên sự vững mạnh của Đảng bộ, góp phần nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa cao. Tác phong làm việc của cán bộ còn quan liêu, chưa sát thực tế và chưa gần gũi nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc sáp nhập một số tỉnh và hợp nhất các Đảng bộ tỉnh, ngày 21-4-1965 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH phê chuẩn việc sáp nhập tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam thành tỉnh Nam Hà. Kể từ ngày 1-6-1965,

Tỉnh uỷ và Uỷ ban Hành chính tỉnh Nam Hà chính thức làm việc theo đơn vị hành chính mới.

Tỉnh Nam Hà được thành lập trong khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn, cách mạng giải phóng miền Nam đang phát triển mạnh mẽ, cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ bắt đầu lan rộng cả nước. Đồng thời cũng là lúc Đảng bộ quân và dân Nam Hà nói chung, Bình Lục nói riêng bắt đầu chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ Nam Hà, Đảng bộ và nhân dân huyện Bình Lục cùng cả nước vững vàng vượt qua khó khăn thử thách, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện cách mạng miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

x x

x

Sau hơn 10 năm kiên trì phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, từng bước khôi phục kinh tế - xã hội, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Kết quả đạt được trong khôi phục sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng kinh tế - văn hoá 5 năm (1961-1965) là minh chứng sinh động về nghị lực, lòng quyết tâm vươn lên làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ xã hội, nó cũng chứng tỏ niềm tin son sắt của cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Lục vào chế độ xã hội mới tươi đẹp do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đem lại. Qua

trình 10 năm lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội đã giúp Đảng bộ Bình Lục ngày càng trưởng thành về mọi mặt. Đó là hành trang với những kinh nghiệm quý báu để Đảng bộ và nhân dân trong huyện bước vào thời kỳ mới thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương VII

VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TÍCH CỰC CHI VIÊN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1966 - 1975)

1. Sản xuất và chiến đấu góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1966-1968)

Trước tình hình cả nước có chiến tranh, với những khó khăn thử thách mới, vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa chống chọi với thiên nhiên giữ vững sản xuất và ổn định đời sống nhân dân, từ ngày 14 đến 17-6-1966 đã diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện Bình Lục lần thứ 11.

Đại hội nhận định: Trong hai năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội 10 với điều kiện tự nhiên đất đai và thời tiết không bình thường, bên cạnh đó chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang ra miền Bắc, Đảng bộ vừa phải lãnh đạo sản xuất và chiến đấu, vừa chuyển hướng tư tưởng, tổ chức và kinh tế cho phù hợp với tình hình thời chiến. Song với tinh thần hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và quán triệt nội dung cơ bản các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục đã không ngừng nâng cao ý thức cách

mạng, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, với tinh thần tự lực cánh sinh, tự lực, tự cường nên đã giành được nhiều thắng lợi lớn trên các mặt công tác. Đại hội khẳng định: “Phong trào của huyện có nhiều chuyển biến mới trên các mặt hoạt động, nội dung đều được đẩy mạnh. Sản xuất nông nghiệp đã tích cực đi vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; công tác thủy lợi, phân bón có nhiều cố gắng; chăn nuôi phát triển, bước đi nhanh hơn trồng trọt. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang đạt được nhiều thành tích, lực lượng phát triển khá, chất lượng được nâng cao. Việc chấp hành chính sách đạt được nhiều thành tích, hầu hết các chỉ tiêu đều phấn đấu vượt kế hoạch trên giao. Công tác xây dựng Đảng, đảng viên trẻ và phụ nữ chiếm tỷ lệ cao, xây dựng cơ sở Đảng ở nơi xung yếu và vùng Thiên chúa giáo đã được chú ý và có kết quả tốt. Hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng đều được đẩy mạnh, góp phần đắc lực vào việc động viên quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng”⁽¹⁾.

Đại hội chỉ rõ: Những thành tích đạt được mới chỉ là bước đầu, là do sự đóng góp của toàn Đảng, toàn dân, trong đó có nhiều đơn vị tiêu biểu góp phần xứng đáng vào phong trào chung của huyện, như các Đảng bộ Mạnh Tiến, Nguyễn Bình, Đồn Xá, Vũ Thành và các Chi bộ Bùi (Trịnh Xá), Cát (Thanh Bình), Phú Mỹ (Hoà Bình), Ô Mễ (Liên An), Tân Tiến

(1). Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 11. Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Huyện uỷ.

(An Nội), Mạnh Chư (Mạnh Tiến), Tiêu Thương (Tiêu Động), Tiên Phong và Thống Nhất (Đồng Du). Các đơn vị đạt danh hiệu “Tổ Lao động XHCN” như Cửa hàng hợp tác xã Chợ Chủ, Cửa hàng lương thực Cầu Sắt và Chợ Sông, Tổ giáo viên tự nhiên Trường cấp II Ngô Khê, Tổ mẫu giáo thôn Bù⁽¹⁾.

Đại hội nghiêm khắc chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân của khuyết điểm trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Đại hội đặt câu hỏi “Tại sao Đảng bộ phấn đấu rất gian khổ trong sản xuất nông nghiệp mà đời sống vật chất của quần chúng vẫn chưa được cải thiện nhiều, không rõ nét, bấp bênh không vững chắc, năm lên năm xuống. Thậm chí như năm 1965, khó khăn về thiên tai không nhiều mà thu nhập lại thấp hơn các năm, đời sống của quần chúng có phần lo lắng?”

Để tìm ra lời giải, bước đi và biện pháp khắc phục, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng ngày càng cao, căn cứ vào vị trí, đặc điểm, khả năng của huyện, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ chung của Đảng bộ và nhân dân Bình Lục trong hai năm 1967-1968 là: “Đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy cao độ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của cán bộ và nhân dân, ra sức động viên toàn Đảng, toàn dân đề cao nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước, phát huy tinh thần triệt để cách mạng,

(1). Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 11, Tài liệu lưu Ban Tuyên giáo Huyện uỷ.

tinh thần tiết kiệm, tinh thần tự lực cánh sinh, tập trung sức người sức của, tăng cường và bảo vệ cơ sở vật chất cho các ngành kinh tế, chủ yếu là nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải; ra sức tăng cường xây dựng lực lượng Đảng, củng cố và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và các đoàn thể quần chúng, trên cơ sở đó mà tăng cường và mở rộng hơn nữa quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phục vụ đắc lực cho phương hướng thâm canh tăng năng suất trong nông nghiệp, cho chăn nuôi, khắc phục tình trạng mất cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, tăng nhanh tiềm lực kinh tế của địa phương, giải quyết tốt hơn nữa yêu cầu về sản xuất, chiến đấu và đời sống của nhân dân, bảo đảm lưu thông phân phối, cung cấp nhiều hơn nữa cho yêu cầu của Nhà nước, yêu cầu của tiền tuyến, đồng thời tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, tích cực chuẩn bị những mặt cần thiết để chủ động phòng ngừa và đánh thắng địch bất kỳ tình huống nào, chủ động tạo cơ sở đưa phong trào tiến nhanh, tiến mạnh hơn nữa, xây dựng Bình Lục thành một huyện “sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, có Đảng bộ vững mạnh”⁽¹⁾.

Đại hội quyết định nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải, quốc phòng an ninh, phòng không sẵn sàng chiến đấu, thực hiện các chính sách của Đảng, tăng cường củng cố chính quyền, vận động quần chúng và công tác xây dựng Đảng.

(1). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 11.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 11. Đồng chí Đỗ Văn Tuyên được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Sau Đại hội Đảng bộ, phong trào thi đua lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu diễn ra sôi nổi trong toàn huyện. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Bình Lục là huyện đồng trũng, vừa cấy lúa vừa trồng hoa màu, cây công nghiệp, cốt đất cao thấp khác nhau tạo thành các vùng lòng chảo, hàng năm úng hạn xen kẽ nối tiếp nhau, trong đó úng ngập là chủ yếu. Nhận rõ đặc điểm này, công tác thủy lợi kết hợp với giao thông luôn được Đảng bộ đặc biệt coi trọng. Nhằm từng bước khắc phục hạn, úng, mở rộng diện tích tưới tiêu cho lúa, hoa màu cây công nghiệp theo hướng khoa học, phục vụ thâm canh tăng vụ, chuyển màu, phục vụ giao thông vận tải và quốc phòng, Huyện uỷ xác định “Công tác thủy lợi, giao thông phải phát triển toàn diện mạnh mẽ hơn nữa, phải phục vụ đắc lực cho hai nhiệm vụ lớn là sản xuất và chiến đấu”⁽¹⁾. Các chiến dịch ngăn ngừa làm thủy lợi kết hợp với giao thông và trồng điền thanh được tiến hành, với những khẩu hiệu hành động “Chiến dịch thủy lợi, điền thanh 19-5 quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Toàn Đảng, toàn dân tiến quân vào mặt trận thủy lợi, điền thanh giành vụ mùa đại thắng lợi”, phấn đấu hoàn thành các công trình đại, trung, tiểu thủy nông và kiến thiết đồng ruộng, tận dụng hết đất đai bờ nương máng, đường đồng gieo trồng điền thanh tăng

(1). Nghị quyết ngày 25-2-1966 của Huyện uỷ về phát động phong trào làm thủy lợi giao thông năm 1966.

nguồn phân bón. Năm 1966, toàn huyện đã đào đắp 4.124.938m³ muơng máng. Trong hai năm (1967-1968) huy động 6 triệu ngày công lao động, đào đắp gần 6 triệu mét khối đất; hoàn thành 24 cống tưới, 3 cống tiêu và hàng ngàn cống tiêu thủy nông. Bằng sự phấn đấu nỗ lực của Đảng bộ và toàn dân, công tác thủy lợi bước đầu đã hình thành mạng lưới trung, tiểu thủy nông rộng khắp ở cả 3 khu, góp phần vào việc chống úng, hạn phục vụ sản xuất, diện tích cấy mùa được mở rộng từ 14.214 mẫu (năm 1965) lên 20.006 mẫu (năm 1966); diện tích màu từ 1.200 lên 2.300 mẫu. Đến năm 1968 đã có 20.849 mẫu vụ chiêm đủ nước tưới suốt vụ, trong đó có 1.878 mẫu tưới tự chảy. Với thành tích của công tác thủy lợi, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bình Lục được nhận cờ thưởng luân lưu của Hồ Chủ tịch, Bằng khen của Chính phủ và của tỉnh.

Cùng với nhân dân làm thủy lợi, các tổ đội thủy lợi chuyên môn tiếp tục được xây dựng, củng cố và trang bị thêm các phương tiện; một số đội chuyên có năng suất cao như Thanh Hoà (Đồn Xá), Đồng Tâm (An Ninh), Hưng Đông (Hưng Công), Trung Sơn (La Sơn).

Trên mặt trận nông nghiệp gặp thời tiết thất thường, đầu năm rét đậm kéo dài, giữa năm nắng hạn nghiêm trọng, đầu vụ mùa mưa bão liên tiếp; đặc biệt cơn bão số 4 và số 7 (năm 1968) đã làm ngập 80% diện tích lúa đã cấy, nhiều diện tích phải cày đi cấy lại hai, ba lần. Quán triệt đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng, cấp uỷ và chính quyền đã chú trọng

trong việc chỉ đạo các khu, chỉ đạo kỹ thuật thâm canh, tập trung sức người và các phương tiện gâu, guồng, máy bơm khắc phục hậu quả của thiên tai đảm bảo sản xuất. Năm 1966, diện tích vụ mùa tăng lên 7.202 ha. Năm 1967, năng suất vụ mùa bình quân 23 tạ/ha (đạt 135% kế hoạch và bằng 112% so với vụ mùa 1965), đưa tổng sản lượng lương thực qui thóc lên 34.037 tấn, vượt 3,4% kế hoạch và bằng 117,9% năm 1966. Đến năm 1968, diện tích lúa xuân tăng 123% so với kế hoạch, năng suất vụ chiêm bình quân toàn huyện đạt 17,5 tạ/ha, một số cây trồng như khoai chiêm và mùa đạt từ 105-109%, vùng tăng 2,5 lần so với kế hoạch. Cùng với lúa, màu, toàn huyện còn trồng hơn một ngàn mẫu rau các loại vụ thu đông và đông xuân. Phong trào trồng cây được đẩy mạnh, các tổ trồng cây được củng cố và xây dựng thêm, vườn ươm ngày càng được mở rộng. Năm 1966, toàn huyện trồng được 733.000 cây, đạt 108% kế hoạch, gấp hơn hai lần năm 1965; năm 1968, số cây trồng bằng 139,9% năm 1967, những xã có phong trào trồng cây khá như Quế Sơn, Đinh Xá, Trịnh Xá, Bình Nghĩa. Tuy nhiên, thời kỳ này việc chăm sóc và bảo vệ chưa tốt, nên cây trồng nhiều nhưng cây chết cũng không ít.

Để khắc phục từng bước tình trạng mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, đưa chăn nuôi lên ngành sản xuất chính, các biện pháp khuyến khích chăn nuôi như hướng dẫn sử dụng đất 5%, kiểm tra chặt chẽ thóc 2% dành cho chăn nuôi, qui định trọng lượng xuất chuồng, chống lạm sát và tăng cường công tác thú y, v.v... đã được thực hiện. Nhờ

vậy, chăn nuôi đã có kết quả bước đầu. Đến cuối năm 1968, tổng đàn lợn có 32.097 con, đạt 110% kế hoạch và bằng 118,7% năm 1967; trong đó đàn lợn nái có 5.863 con, bằng 125,7% năm 1967, chủ động điều hoà được đàn lợn giống trong huyện và hỗ trợ cho các huyện bạn trong, ngoài tỉnh. Toàn huyện đã có 61/79 cơ sở chăn nuôi lợn tập thể của hợp tác xã. Đàn gia cầm cũng tăng nhanh, nhất là đàn vịt đạt 30.000 con; năm 1967 thu 26.000kg, năm 1968 tăng lên 40.000kg vịt thịt. Chăn nuôi trâu, bò cày kéo và sinh sản đạt 3.797 con. Với vị trí và khả năng của đồng chiêm trũng, việc thả cá được xác định là ngành sản xuất chính của hợp tác xã, đầu năm 1968 Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết về đẩy mạnh phong trào nuôi thủy sản⁽¹⁾. Thực hiện nghị quyết này, huyện thành lập hai trại cá ở Cầu Gừng (An Nội); đến cuối năm 1968 toàn huyện đã có 75/79 hợp tác xã có đội nuôi cá gồm 400 lao động, 154 mẫu ương san cá giống, sản xuất 46,5 triệu con cá giống, 1.531ha mặt nước ruộng, ao hồ, mương máng đã được thả cá.

Việc tăng diện tích lúa xuân, tăng màu vụ đông và phát triển chăn nuôi vịt, cá, bước đầu thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, mở ra hướng phá thế độc canh và phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Năm 1967 là năm chuyển biến có tính chất bước ngoặt, lần đầu ở huyện đồng chiêm trũng đã có 11 hợp tác xã đạt 5 tấn/ha, đó là: An Cao, Mạnh Chư (An Đổ); An Lão (Quế Sơn); Thượng Thọ (Mỹ Thọ); Quyết

(1). Nghị quyết số 26, ngày 19-2-1968 của Ban Thường vụ Huyện uỷ.

Thắng, Tiền Phong, Đông Tâm (An Ninh); Ô Mễ (Tràng An); Phú Hoà (Hoà Bình); Quyết Thắng (Đông Du); Mỹ Đồi (An Mỹ).

Cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp được thực hiện có kết quả⁽¹⁾. Thông qua cuộc vận động, quan hệ sản xuất mới được củng cố và hoàn thiện một bước, qui mô hợp tác xã được mở rộng từ 183 hợp tác xã nhỏ hợp nhất thành 79 hợp tác xã, trong đó hầu hết lên bậc cao, số hợp tác xã yếu kém được củng cố, số hộ xã viên hợp tác xã chiếm 97% tổng số hộ nông dân toàn huyện; cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã được tăng cường thêm hàng trăm gian nhà chế biến phân và chuồng trại chăn nuôi, 36/79 hợp tác xã có tổ sửa chữa nông cụ và trang bị cơ khí nhỏ. Nhiều hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất cụ thể và toàn diện hơn; các đội sản xuất xây dựng được qui trình sản xuất, định tiêu chuẩn kỹ thuật, thực hiện chia khoán nhóm và phân công lao động vào các ngành nghề, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất; các khoản tham ô tiền thóc, nợ nần dây dưa được thu hồi, việc chấp hành chính sách ruộng đất 5% được uốn nắn sửa chữa. Phong trào tiến quân mạnh mẽ vào khoa học kỹ thuật được phát động rộng khắp, các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như làm đất, xử lý giống, gieo mạ luống, cấy thẳng hàng, chế biến phân bón,

(1). Quán triệt Nghị quyết số 70 ngày 19-2-1963 của Bộ Chính trị, Huyện uỷ Bình Lục ra các Nghị quyết số 01 ngày 11-7-1966 và số 30 ngày 26-3-1968 về tiếp tục cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật vòng hai trong các hợp tác xã nông nghiệp của huyện.

phòng trừ sâu bệnh, v.v... đã được áp dụng vào sản xuất. Hầu hết số hợp tác xã có đội chuyên giống, đảm bảo việc chọn lọc, xử lý và bảo quản giống. Phong trào thả bèo dậu, trồng điền thanh, làm phân bùn, bón vôi, góp phần quan trọng vào việc cải tạo chất đất và đồng ruộng của huyện.

Đi đôi với củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, công tác vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới được chú trọng. Trong 8 năm (1961-1968) toàn huyện đã vận động đưa 8.150 người, trong đó có gần 200 đảng viên, đi xây dựng kinh tế mới ở miền núi.

Quán triệt đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của Đảng và vị trí sản xuất tiểu, thủ công nghiệp trong nền kinh tế địa phương, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp được chú trọng phát triển và mở rộng. Ở Bình Lục, các nghề dệt vải, đồ sùng, ren, vôi, gạch ngói có từ rất sớm, nhiều mặt hàng có giá trị xuất khẩu, song cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn nên chậm phát triển, các tổ rèn, mộc, sửa chữa công cụ lao động còn quá mỏng lại sản xuất cá thể, nguyên vật liệu phần lớn dựa vào cung cấp của trên nên sản xuất thường không ổn định. Để khắc phục tình trạng này, Huyện uỷ xác định nhiệm vụ thủ công nghiệp của huyện là “Phục vụ cho nông nghiệp phát triển, phục vụ đời sống của nhân dân địa phương, cho tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển mạnh mẽ cơ sở và mạng lưới cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp. Phát triển và củng cố các hợp tác xã chuyên nghiệp, phát triển nhiều ngành nghề phụ trong nhân dân”⁽¹⁾. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, công

(1). Nghị quyết số 27 ngày 2-3-1968 của Huyện uỷ về phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương 1968-1970.

tác giáo dục chính trị tư tưởng và vận động những người làm ngành nghề thủ công cá thể vào làm ăn tập thể đã được thực hiện; các hợp tác xã dệt, nhuộm, may mặc, cơ khí được củng cố và mở rộng. Một số nghề mới như đan len, đan mây tre, làm giấy, dệt chiếu, làm nón, dây da, bàn chải được phát triển; mặt hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu phong phú thêm. Một số nghề như dệt vải, dệt thảm, dây da, mỹ nghệ xuất khẩu, nước chấm... sản xuất được giữ vững và ổn định.

Xưởng cơ khí Tiến Thành được tăng cường thêm công nhân và trang thiết bị máy móc, từ cơ sở thủ công tiến lên bán cơ khí. Đi đôi với đảm bảo sản xuất theo kế hoạch, xưởng đã đào tạo hàng trăm thợ rèn, nguội, mộc cho các hợp tác xã, góp phần hình thành mạng lưới cơ khí từ huyện đến xã. Toàn huyện đã có 48 tổ rèn, mộc, nguội ở các hợp tác xã phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Năm 1966, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp đạt 6.000.000 đồng, tăng lên 6.422.000 đồng năm 1967, năm 1968 bằng mức năm 1966 (đạt 111% kế hoạch năm, trong đó công nghiệp đạt 107%).

Cùng với nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, giao thông vận tải có bước chuyển biến tiến bộ. Kết hợp với công tác thủy lợi, toàn huyện đã đào đắp hàng triệu mét khối đất với tổng chiều dài hàng trăm kilômét đường liên xóm, liên xã. Chỉ riêng năm 1968 đã đào đắp 197 km với khối lượng 431.867m³ đất, ngành giao thông cũng đã tu sửa 23.262 mét

đường trục huyện, các tuyến đường giao thông 63, 64 và 56 đã cơ bản hoàn thành. Kết quả đó bước đầu đã hình thành mạng lưới giao thông nối liền từ đường trục huyện tới các xã, các xóm và từ nhà kho, sân phơi của các hợp tác xã ra đồng, góp phần đáng kể vào việc giải phóng đôi vai, giảm nhẹ sức lao động cho nhân dân. Các xã Quế Sơn, An Ninh, Đồng Du, Bình Nghĩa có phong trào thủy lợi kết hợp phát triển giao thông khá. Nhờ có đường giao thông, các phương tiện vận chuyển như xe bò kéo, xích lô, thuyền gỗ, thuyền nan được tăng lên. Tận dụng các phương tiện hiện có để tập trung vận chuyển hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, phục vụ chiến đấu tại địa phương. Năm 1967, khối lượng vận chuyển đạt 20.202 tấn, bằng 241.214 tấn/km, năm 1968 đã tăng lên 28.115 tấn hàng với khối lượng 1.076.790 tấn/km, đạt 113% kế hoạch, ngoài ra còn vận chuyển hơn 1.000m³ gỗ từ Thanh Hoá về huyện đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành. Đặc biệt, cuối năm 1968, lực lượng vận tải tham gia đợt vận chuyển phục vụ tiền phương đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, được tỉnh xếp loại khá.

Cuộc vận động “3 xây, 5 chống”⁽¹⁾ trong ngành Tài chính thương nghiệp của huyện đã góp phần động viên nhân dân phấn khởi sản xuất, tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ổn định đời sống nhân dân và củng cố khối

(1). Ngày 24-7-1963 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 85-NQ/TW về cuộc vận động “Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” (gọi tắt là cuộc vận động “3 xây, 3 chống”).

liên minh công nông⁽¹⁾. Phát huy kết quả của năm 1966-1967, năm 1968 thương nghiệp đã bảo đảm được chính sách và phương thức phân phối, hoàn thành kế hoạch thu mua và phân phối các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ. Thuế nông nghiệp và công thương nghiệp thu đạt 101 đến 107% kế hoạch năm 1968 (bằng 120% năm 1967), thu tiền mặt đạt 102%, chi đạt 98,2% kế hoạch, tín dụng cho vay đạt 103- 106%, việc thu nợ có tiến bộ.

Mặc dù chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra rất ác liệt, song sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế vẫn được giữ vững và phát triển. Phong trào thi đua hai tốt phát triển mạnh mẽ, đã có 4 tổ giáo viên được đề nghị công nhận tổ lao động xã hội chủ nghĩa, số học sinh giỏi ngày càng tăng. Năm học 1967-1968, học sinh mẫu giáo bằng 129% năm 1965; hệ phổ thông cấp I tăng 3,7%, cấp II tăng 10,3% so với năm học 1966-1967. Năm học 1968-1969, cấp I có 401 lớp với 19.667 học sinh, cấp II có 143 lớp 7.050 học sinh và cấp III có 13 lớp 674 học sinh; 68 lớp mẫu giáo với 2.436 học sinh. Tỷ lệ học sinh thi hết cấp đạt từ 93% trở lên. Năm 1967, hệ bổ túc văn hoá có 8.206 học viên theo học các lớp. Các trường phổ thông lao động huyện, trường Đoàn, trường “Ba đảm đang” đã được tổ chức, đáp ứng yêu cầu học tập của quần chúng; chương trình học được gắn với yêu cầu phát triển sản xuất của địa phương, đưa kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

(1). Nghị quyết số 28 ngày 15-12-1967 của Huyện uỷ về Công tác tài chính thương nghiệp năm 1968.

Mạng lưới y tế phòng bệnh, chữa bệnh và cấp cứu phòng không từ huyện đến xã được củng cố và tăng cường; bệnh viện huyện được mở rộng; chất lượng điều trị và phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế từ huyện đến xã có tiến bộ. Toàn huyện có 18 mẫu trồng cây thuốc nam và có trại thuốc nam An Lão, đảm bảo việc điều trị đông, tây y kết hợp. Phong trào “3 dứt điểm” (hố xí, nhà tắm, giếng khơi) phát triển rộng, điển hình như các xã Vụ Bản, Hoà Bình, La Sơn, An Đổ, Quế Sơn, Trịnh Xá, An Mỹ, Bồ Đề, Mỹ Thọ...

Phong trào văn hoá, văn nghệ diễn ra sôi nổi và rộng khắp. Toàn huyện có 4 đội văn nghệ xã và 33 đội ở các hợp tác xã, nhiều tiết mục tự biên tự diễn có nội dung tốt. Hệ thống thông tin văn hoá, truyền thanh được củng cố và mở rộng, chất lượng phát thanh, truyền tin, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương ngày càng tốt hơn. Các ngành bưu điện, truyền thanh, phát hành sách báo, chiếu phim đã hoàn thành kế hoạch năm trước thời hạn, doanh thu đạt 100% kế hoạch trở lên. Phong trào thể dục, thể thao và thể thao quốc phòng được duy trì và phát triển, nhất là phong trào rèn luyện 5 môn thể thao trong dân quân, thanh niên và trong các trường đạt kết quả khá. Năm 1968, đội bóng bàn và đội bơi lội nữ của huyện đã đạt giải nhì và giải ba của tỉnh và toàn miền Bắc.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ thể thao đã góp phần động viên cổ vũ nâng cao lòng tin tưởng phấn khởi, ý chí quyết chiến quyết thắng thiên tai, địch hoạ, đẩy mạnh mọi mặt công tác của địa phương.

Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã lan rộng trên toàn miền Bắc với mức độ ngày càng ác liệt. Ở Bình Lục, ngày 18-8 hai tốp máy bay Mỹ đánh phá Cầu Họ, làm sập cầu đường bộ, cắt đứt cầu đường sắt, hai bên đầu cầu bị phá hỏng nặng, chỉ trong hai tháng 9 và 10 năm 1966 đã có 26 lần tốp máy bay Mỹ đánh phá 11 trận vào 6 địa điểm cầu cống, công trình thuỷ lợi, kho tàng; có nơi bị đánh đi đánh lại nhiều lần như Cầu Sắt, Cầu Ghéo, Cầu Họ và Ga Bình Lục. Trong 8 tháng đầu năm 1967, cường độ đánh phá ác liệt hơn, qui mô rộng hơn, số trận oanh tạc bằng cả số trận của năm 1966. Năm 1967, máy bay Mỹ đánh vào các khu dân cư như Văn Phú (Tân Tiến)⁽¹⁾, Mai Động (Trung Lương), nhà trẻ mẫu giáo Mỹ Thọ, số người bị thương vong cũng tăng lên. Đặc biệt trong các ngày 2 và 3 tháng 7-1967, máy bay Mỹ liên tiếp đánh phá 21 điểm, thả 314 quả bom các loại, làm chết 3 người và bị thương 13 người khác; phá hỏng 9 toa xe và đầu máy xe lửa, 3 cầu và 250 mét đường sắt, đường bộ, trong đó Cầu Sắt bị hỏng nặng, 78 gian nhà bị hư hại. Cùng với việc ném bom bắn phá, máy bay Mỹ đã thả truyền đơn với nội dung phản động, xuyên tạc chính sách và thắng lợi của ta, tuyên truyền kích động gây tâm lý hoang mang trong quần chúng. Lợi dụng tình hình này, bọn phản động cũng ngấm ngấm hoạt động phá hoại, tuyên truyền gây ảo tưởng hoà bình, chủ quan mất cảnh giác trong cán bộ và nhân dân.

(1). Xã Tân Tiến sau nhập với xã Mỹ Thọ thành xã mới là Mỹ Thọ (theo Quyết định số 430-NV, ngày 6.11.1967 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Trước những diễn biến phức tạp trên, ngày 3-11-1966 Ban Thường vụ Huyện uỷ đã ra Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo và chủ động đối phó với âm mưu mới của địch. Trong những năm 1966, 1967 và 1968, Đảng bộ luôn chú ý đến việc giáo dục tư tưởng, không ngừng nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ, phát động lòng yêu nước, tinh thần tự giác của mỗi người đối với nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu tới mức cao nhất chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Thông qua các đợt học tập Nghị quyết Trung ương, Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh⁽¹⁾ và các đợt động viên chính trị đã khắc phục một bước tư tưởng chủ quan mất cảnh giác, tư tưởng bi quan dao động, ngại khó khăn gian khổ hy sinh, củng cố lòng tin vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Công tác phòng không được quan tâm chu đáo. Người và tài sản ở những nơi trọng điểm đã được sơ tán; hàng vạn hầm hố phòng tránh được đào đắp trong các gia đình, nơi công cộng đông người, ven các đường làng xóm, đường trục giao thông 21, 62, 63, 64 và 56. Tiêu biểu là các xã Đồng Du, Trung Lương, Trịnh Xá, Bối Cầu.

Việc xây dựng lực lượng quân sự địa phương được coi trọng. Vào thời điểm chiến tranh phá hoại ác liệt nhất, Huyện uỷ đã ra các Nghị quyết chuyên đề công tác quân sự năm 1965-1966, về phương hướng nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ năm 1967⁽²⁾, về xây dựng lực lượng cơ động thường

(1). Lời kêu gọi ngày 17-6-1966 và 20-7-1968.

(2). Nghị quyết số 17 ngày 7-6-1967 của Huyện uỷ.

trực chiến đấu của huyện⁽¹⁾. Các Nghị quyết của Huyện uỷ xác định rõ việc giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng của Đảng đối với dân quân tự vệ là khâu then chốt, có tính chất quyết định nhất làm cơ sở của mọi hoạt động, mọi thắng lợi; ra sức nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ làm trung tâm để đánh thắng địch trong mọi tình huống, hạ được máy bay địch, đồng thời là lực lượng xung kích nòng cốt trong công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, giữ vững trật tự trị an, trong sản xuất và chi viện chiến trường. Quán triệt chủ trương của Huyện uỷ, năm 1966 lực lượng dân quân tự vệ chiếm 11,6% tổng số dân của huyện, đến năm 1968 tăng lên 12,7% (vượt 0,7% kế hoạch); trong đó nữ chiếm 55,5%, Thiên chúa giáo 10,3% tổng số lực lượng. Đội ngũ cán bộ chỉ huy được kiện toàn và tăng cường lực lượng đảng viên⁽²⁾. Việc luyện tập kỹ chiến thuật quân sự và học tập chính trị được duy trì thường xuyên. Kết quả luyện tập kiểm tra bắn đạn thật có 218 dân quân đạt loại giỏi, trong đó trung đội nữ dân quân thôn Bùi (Trịnh Xá) đạt loại giỏi 100%. Phong trào thi đua “Quyết thắng” trong lực lượng dân quân đã phát huy tốt vai trò nòng cốt xung kích trên mọi lĩnh vực sản xuất, chiến đấu và bảo vệ trật tự trị an. Đến năm 1968 đã có 7 xã là Trịnh Xá, An Đổ, Đồng Du, Quế Sơn, Bồ Đề, Bối Cầu, An Ninh và 21 trung đội dân quân đạt danh hiệu Quyết thắng.

(1). Nghị quyết số 18 ngày 10-6-1967 của Ban Thường vụ Huyện uỷ.

(2). Trong đó xã đội 100%, đại đội 84,6%, trung đội 80% và tiểu đội là 27,7%.

Để đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu thắng lợi, cùng với việc xây dựng và củng cố dân quân tự vệ, năm 1967 huyện thành lập một đại đội pháo cao xạ 37 ly, 2 trung đội cao xạ 14ly5 và 12ly7 cơ động thường trực chiến đấu; ở các xã đều có các tiểu đội dân quân trực chiến. Các tổ cứu thương, cứu hoả, hậu cần, công binh được chú trọng củng cố. Thời gian này, một số đơn vị tên lửa đối không và pháo cao xạ tầm cao, được Bộ Quốc phòng điều về Bình Lục canh giữ vùng trời tỉnh Hà Nam.

Cùng với công tác lãnh đạo phòng không sơ tán, tổ chức lực lượng chiến đấu, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã huy động lực lượng lao động đông đảo phục vụ chiến đấu, tham gia xây dựng các trận địa tên lửa và trận địa pháo cao xạ ở Ngô Khê, An Lão, An Mỹ, An Đổ, Bối Cầu, Trung Lương..., tu sửa và làm mới nhiều đường vòng, tránh các khu vực trọng điểm. Nhân dân nhiều xã còn tiếp nhận, bảo đảm cho các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp, trường học, kho hàng phân tán, sơ tán tại địa phương. Với tinh thần: Mỗi đơn vị hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là một pháo đài kiên cố vững chắc, là cơ sở hậu cần tại chỗ hùng hậu chi viện sức người, sức của cho chiến trường và phục vụ chiến đấu tại địa phương; mỗi dân quân tự vệ là một chiến sĩ chiến đấu anh dũng kiên cường nhằm thắng quân thù mà bản “sống hiên ngang chiến đấu, chết anh dũng huy hoàng vinh quang vì Tổ quốc, vì nhân dân”, lực lượng thường trực chiến đấu của huyện và các tiểu đội dân quân trực chiến của các xã Bình Minh, An Hoà, Trung Lương, An Đổ, Tân Tiến... đã phối hợp

chặt chẽ với các đơn vị bộ đội phòng không chủ lực, dũng cảm ngoan cường, nổ súng ròn rã đánh trả máy bay địch. Trong trận chiến đấu ngày 27-5-1967, trận địa dân quân An Nội, Trung Lương, An Ninh, Bối Cầu lập công xuất sắc bắn rơi 1 máy bay A4 của đế quốc Mỹ.

Bên cạnh việc trực tiếp chiến đấu, nhiều anh chị em dân quân tự vệ đã dũng cảm tiếp tế đạn cho bộ đội dưới làn bom đạn của máy bay Mỹ. Ngày 28-6-1967, lực lượng dân quân xã Mỹ Tiến kịp thời bao vây bắt sống giặc lái Mỹ. Sau mỗi trận đánh phá của địch kết thúc, các đội công nhân cầu đường của Ty Giao thông, các trung đội dân quân Mỹ Thuận, Trung Lương, An Đổ, Mỹ Thọ và nhiều xã khác đã kịp thời có mặt tại nơi xảy ra chiến sự, nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nhiều cụ phụ lão và các cháu thiếu niên xung phong làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và khắc phục hậu quả. Lực lượng công nhân và dân quân không quản hiểm nguy, làm việc với tinh thần “Địch đánh, ta sửa, ta đi”, “Máu có thể đổ, đường không để tắc”, chỉ sau một vài giờ đường sắt, đường bộ, cầu cống đã được tu sửa, đảm bảo giao thông thông suốt.

Đi đôi với việc bảo đảm chiến đấu, phục vụ chiến đấu, Bình Lục luôn hoàn thành các đợt tuyển quân chi viện tiền tuyến. Năm 1968, Đảng bộ Trịnh Xá, An Đổ đã lãnh đạo hoàn thành tốt cả 6 đợt tuyển quân. Hiện tượng trốn tránh, kê đọng giảm đi nhiều. Công tác huy động lương thực, thực phẩm phục vụ tiền tuyến có kết quả. Việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội được thường xuyên chăm lo chu

đáo, nhất là đối với các gia đình liệt sỹ, thương binh, bộ đội ở chiến trường B, C, K, làm cho các gia đình đối tượng chính sách yên tâm phấn khởi lao động sản xuất và xây dựng hợp tác xã.

Phong trào “Bảo vệ trị an” và “Bảo mật phòng gian” được đẩy mạnh. Nhờ kết hợp chặt chẽ hai phong trào này, Bình Lục đã hoàn thành căn bản công tác điều tra cơ bản, kịp thời phát hiện và có biện pháp đối phó với những thủ đoạn phản tuyên truyền của địch. Công tác quản lý cải tạo đối tượng tại chỗ đạt kết quả, các tệ nạn xã hội ngày càng giảm, trật tự trị an vẫn được giữ vững.

Thắng lợi to lớn của quân và dân ta ở hai miền Nam-Bắc và sức ép của nhân dân Mỹ, nhân dân toàn thế giới phản đối chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam, cùng với sự sa sút về kinh tế, chính trị ở chính nước Mỹ, buộc Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải tuyên bố vào ngày 1-11-1968 về chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; chấp nhận đàm phán tại Pari để giải quyết vấn đề hoà bình ở Việt Nam.

Trong không khí chiến thắng của cả nước, ngày 12-11-1968 Đảng bộ Bình Lục tiến hành Đại hội lần thứ 12. Với chủ đề “Đại hội quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng kinh tế địa phương, anh dũng tiến công toàn diện đồng chiêm trũng”, Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ do Đại hội Đảng bộ lần thứ 11 đề ra, đánh giá đúng đắn những ưu điểm, khuyết điểm

của công tác lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân trên các mặt sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn trật tự trị an, huy động sức người, sức của chi viện chiến trường, về phát triển văn hoá, xã hội và về công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở quán triệt thêm một bước đường lối cơ bản của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ nhất (6-1968)⁽¹⁾, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ mục tiêu phấn đấu trong hai năm 1969-1970, trước mắt là năm 1969 và những năm tiếp theo là: “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược; xây dựng cải tạo và khai thác đồng chiêm trũng, tập trung sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhất là thủy lợi, đi vào thâm canh toàn diện, từng bước giải quyết vững chắc vấn đề lương thực thực phẩm, bảo đảm chiến thắng địch trong mọi tình huống, đồng thời tích cực chuẩn bị chuyển hướng mạnh mẽ kịp thời khi có điều kiện thuận lợi”.

Khẩu hiệu phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân là “Ra sức xây dựng Bình Lục thành một huyện sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, tổ chức đời sống tốt, Đảng bộ vững mạnh”.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 1970 là 1,2 lao động, 4,8 tấn thóc, 80 tấn mía, 2 con lợn, 4,5 tạ cá trên 1 ha và 1.000 con vịt trên 1 hợp tác xã.

Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể của năm 1969 về chi viện, phát triển nông nghiệp, giao thông vận tải, thủ công nghiệp

(1). Nam Hà: Nam Định- Hà Nam sáp nhập theo Quyết định số 103/NQ-TVQH, ngày 21-4-1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

và tiểu công nghệ, các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế và về công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng. Về phát triển nông nghiệp theo phương hướng chung, sản xuất nông nghiệp của Bình Lục là lúa, lợn, cá, mía, vịt.

Thực hiện phương hướng trên, Đại hội nhất trí dự án qui hoạch phân vùng sản xuất theo ba vùng với nhiệm vụ, mục tiêu sản xuất như sau:

Vùng 1, gồm lúa, màu, cây công nghiệp. Nhiệm vụ sản xuất chủ yếu là lúa, mía, lợn, khoai, rau. Hướng đi là tiến một bước dài phân bổ lại lao động xã hội, trên cơ sở đó tiến hành thâm canh trong nông nghiệp, đồng thời làm nhiệm vụ tiểu, thủ công nghiệp cho huyện. Mục tiêu đến năm 1970 phải đạt từ 5,5 đến 6 tấn lương thực, 3 con lợn, 1,4 lao động/ha gieo trồng.

Vùng 2, lúa, màu chưa ổn định. Nhiệm vụ sản xuất chủ yếu là lúa, lợn, rau, gà và trâu bò sinh sản. Hướng đi là mạnh bước trên con đường thâm canh nông nghiệp, đồng thời tích cực phát triển kinh tế địa phương sớm lên toàn diện. Mục tiêu đến năm 1970 phải đạt 5,5 tấn lương thực, 2,5 con lợn, 1,4 lao động/ha gieo trồng.

Vùng 3, chiêm trũng đang cải tạo. Nhiệm vụ sản xuất chủ yếu là lúa, lợn, cá, vịt. Hướng đi vươn lên mạnh mẽ bằng con đường nông nghiệp ổn định thâm canh, đồng thời bước đầu phát triển toàn diện kinh tế địa phương. Mục tiêu đến

năm 1970 phải đạt 4,8 tấn lương thực, 2 con lợn, 1 lao động/ha gieo trồng, 480 kg/ha và 1.000 con vịt/hợp tác xã.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 12. Đồng chí Đỗ Văn Tuyên được bầu làm Bí thư Huyện uỷ⁽¹⁾.

Thành công của Đại hội Đảng bộ Bình Lục lần thứ 12 tạo ra sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đưa huyện nhà vượt qua khó khăn thử thách thực hiện quyết tâm của Đại hội đề ra.

2. Tranh thủ thời gian hoà bình đẩy nhanh xây dựng và củng cố hậu phương, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1972).

Mặc dù bị thất bại, song với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, năm 1969 đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, ráo riết chuẩn bị mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn Đông Dương, xúc tiến các hoạt động ngoại giao nhằm làm lạc hướng dư luận thế giới và nhân dân Mỹ. Những hành động mới của đế quốc Mỹ làm cho tình hình phức tạp thêm.

Trước tình hình và yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng cả nước, nhiệm vụ của miền Bắc lúc này được Bộ Chính trị nêu rõ là: “Tranh thủ thời gian đế quốc Mỹ ngừng ném bom, đẩy nhanh khôi phục và phát triển kinh tế- văn hoá, củng cố hậu phương vững mạnh và tiếp tục chi viện cho cách mạng miền Nam⁽²⁾.”

(1). Sau đó đồng chí Nguyễn Anh Tuấn về thay từ 1968-1971.

(2). Hội nghị Bộ Chính trị tháng 3.1969.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Chính phủ và của Tỉnh uỷ Nam Hà, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bình Lục bước vào chặng đường mới với khí thế của người chiến thắng; những thuận lợi của tình hợp nhất và thành tựu đạt được sau 15 năm xây dựng, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và chi viện sức người sức của cho cách mạng miền Nam. Bên cạnh thuận lợi, khó khăn cũng còn nhiều, đó là hậu quả chiến tranh phá hoại nặng nề chưa kịp khắc phục, kinh tế - văn hoá, xã hội phát triển chậm, mất cân đối, đời sống của nhân dân chậm được cải thiện... Để khắc phục khó khăn trên, đầu năm 1969 Huyện uỷ ra các Nghị quyết về lãnh đạo sản xuất, lấy mục tiêu “5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động, 4,5 tạ cá/ha gieo trồng” là phương hướng phấn đấu trong nông nghiệp và Nghị quyết chuyên đề về phát triển chăn nuôi vịt hai năm 1969-1970. Huyện uỷ xác định tiếp tục hoàn thành cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp; chú trọng thủy lợi, giống mới, phân bón cải tạo đất, phòng trừ sâu bệnh cho lúa, hoa màu và dịch bệnh cho gia súc.

Giữa lúc quân, dân hai miền Nam-Bắc đang giành được những thắng lợi quan trọng trên mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, tin đầu dồn đến với Đảng bộ và nhân dân Bình Lục: Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta qua đời ngày 2-9-1969 tại Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời là một tổn thất lớn lao, nỗi đau thương vô hạn đối với toàn Đảng và dân tộc ta. Trong niềm tiếc thương vô hạn, ngày 6-9-1969

ở tất cả các địa phương đều tổ chức Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh theo nghi lễ trang trọng nhất.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị⁽¹⁾, ngày 15-10-1969 Huyện uỷ Bình Lục ra Nghị quyết về tiến hành đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Đợt sinh hoạt chính trị được tiến hành từ ngày 15 đến 30-10-1969. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, cán bộ đảng viên và nhân dân trong huyện thấy rõ hơn công lao và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc ta và đối với cách mạng thế giới; thấy rõ hơn phẩm chất cách mạng trong sáng của Người, tăng thêm lòng tự hào tin tưởng vào quyết tâm đoàn kết thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biến đau thương thành hành động cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục đoàn kết một lòng, phấn đấu vươn lên khắc phục mọi khó khăn đẩy mạnh sản xuất và mọi lĩnh vực công tác của Đảng bộ đề ra.

Nhận rõ vị trí công tác tài chính - thương nghiệp là đòn xeo thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển nhanh nhằm sớm đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp⁽²⁾; công tác cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường có chuyển biến tích cực. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 12 (11-1968), Đảng bộ đã tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức học tập các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và

(1). Chỉ thị ngày 29-9-1969 của Bộ Chính trị về “Mở đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

(2). Ba mục tiêu: 5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động./ha gieo trồng.

Chỉ thị số 34 của Ủy ban hành chính (UBHC) tỉnh Nam Hà cho tiểu thương và người làm nghề thủ công tự do, qua đó làm cho họ nâng cao nhận thức đường lối của Đảng, tự nguyện đi vào con đường làm ăn tập thể. Kết quả ba năm cải tạo (1968-1970) đưa được 1271 người sang trực tiếp sản xuất; trong đó có 1022 người sản xuất nông nghiệp, 196 người sản xuất thủ công nghiệp và 53 người vào các ngành lao động khác. Kết quả đó đã giảm bớt được số người buôn bán tự do, tăng thêm lực lượng lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất cho xã hội, góp phần ổn định giá cả thị trường nhất là mặt hàng nhu yếu phẩm phục vụ đời sống, ngăn chặn và hạn chế tình trạng tích trữ đầu cơ, lợi dụng, làm tổn thất tài sản của Nhà nước và nhân dân, góp phần tích cực vào việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, giữ vững trật tự trị an và ổn định đời sống nhân dân.

Nhằm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đại hội 12 và đề ra phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu cho những năm tiếp theo, Đảng bộ huyện Bình Lục tiến hành Đại hội lần thứ 13 từ ngày 12 đến 14-10-1970.

Đại hội nhất trí nhận định rằng “Kể từ Đại hội lần thứ 12 (11-1968) đến nay, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã không ngừng đoàn kết phấn đấu vươn lên khắc phục khó khăn về thiên tai và đời sống, kiên trì và anh dũng tiến công mạnh mẽ cải tạo vùng chiêm trũng, mở rộng diện tích mùa, đẩy mạnh chăn nuôi lợn, trâu bò phát triển, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, chi viện sức người sức của cho tiền

tuyến góp phần vào sự nghiệp “đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”. Các mặt hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội khác đều có những cố gắng trong việc phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, nổi lên lớn nhất là nền kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng vẫn còn mang tính độc canh, tự cấp tự túc và bấp bênh, thực hiện các biện pháp thâm canh có mặt còn trì trệ, cây trồng chưa đảm bảo thời vụ và kỹ thuật, trình độ quản lý mọi mặt còn thấp, tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa tốt nên năng suất, sản lượng giảm sút, chưa đáp ứng kịp yêu cầu nâng cao đời sống vật chất của quần chúng, tích lũy của hợp tác xã giảm, nghĩa vụ đối với Nhà nước không tăng, nông sản hàng hoá ít. Điều đáng chú ý là Bình Lục thuộc vùng chiêm trũng, qua nhiều năm đã được cải tạo và đang ở bước đi lên, khả năng tiềm tàng về đất, nước, con người rất lớn, vốn đầu tư của Nhà nước nhiều, dân số ngày một tăng song lương thực ngày một giảm, sản xuất không đủ tiêu dùng, không có tích lũy. Các hoạt động khác còn nhiều hạn chế, chưa bám sát và chủ động có kế hoạch phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu biện pháp đề ra, việc phối kết hợp chưa chặt chẽ nhịp nhàng, gân dây tuy đã có tiến bộ song vẫn chưa nhiều và chưa đều. Vai trò chuyên chính chưa được đề cao, nhất là ở cơ sở, việc tổ chức giáo dục vận động quần chúng yếu.

Đại hội cũng đã chỉ ra nguyên nhân của những yếu kém khuyết điểm trên. Với tinh thần phát huy ưu điểm, khắc phục

nhược điểm để phấn đấu vươn lên, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ của nhiệm kỳ 13 là: “Quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tăng cường công tác phát động quần chúng chi viện kịp thời đầy đủ về người và của cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tập trung thực hiện ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt), thực hiện ba mục tiêu, phát triển sản xuất nông nghiệp một cách mạnh mẽ vững chắc, trọng tâm là lương thực, thực phẩm tạo ra nhiều nông sản hàng hoá, nâng cao đời sống nhân dân tăng tích luỹ cho hợp tác xã và ngày càng có nhiều hàng hoá xuất khẩu”.

Đại hội thông qua mục tiêu phấn đấu cụ thể cho từng vùng và mục tiêu chung trong năm 1971 là: 4,5 tấn thóc, 2 con lợn 45 kg/con, 70 tấn mía, 1,5 lao động/ha gieo trồng, đồng thời đẩy mạnh phát triển cá, vịt. Sản lượng lúa cả năm 35.000 tấn, lợn 35.000 con, mía 14.000 tấn. Nông sản hàng hoá là: lúa, lợn, mía, cá, gà, vịt, ngỗng. Hàng hoá xuất khẩu: lợn sữa, gà thiếu, ngỗng, thảm bẹ ngô và một số mặt hàng truyền thống là sừng và ren.

Để thực hiện thắng lợi phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu trên phải tiếp tục phát huy kết quả bước 1, đẩy mạnh ba cuộc vận động lớn, lấy cuộc vận động sản xuất làm cơ sở, cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường quyền làm

chủ của xã viên ở nông thôn làm đôn xeo, cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh là khâu quyết định; đảng viên, cán bộ và quần chúng phải nhận thức đầy đủ trong sản xuất nông nghiệp thì nước, phân, giống là tiền đề, cần kiem là yếu tố quyết định. Đại hội cũng đề ra biện pháp cụ thể của từng ngành và đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 13 gồm 25 đồng chí. Trong hai ngày (7 và 23) tháng 1-1971, Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 13 đã họp bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ, bầu đồng chí Nguyễn Anh Tuấn làm Bí thư và các đồng chí Đặng Văn Ngự làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, Nguyễn Hữu Khải làm Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 13 trong điều kiện lực lượng lao động phân bố không đều giữa các xã, hợp tác xã; trình độ quản lý kinh tế, hiểu biết khoa học kỹ thuật, kỹ năng lao động so với yêu cầu còn thấp. Đất đai tuy đã được cải tạo nhưng chưa tập trung dứt điểm, độ chua còn cao chiếm 73%, mức độ lân trong đất còn nghèo (5-10%). Thủy lợi tuy đã đào đắp được nhiều song chưa đáp ứng được yêu cầu cải tạo đất và thâm canh cây trồng, diện tích úng hạn cục bộ còn tới 1.365 ha, diện tích úng đợt xuất vụ mùa chiếm 77%. Cơ sở vật chất kỹ thuật không đồng bộ, việc quản lý sử dụng chưa tốt nên hiệu quả thấp.

Thời tiết hàng năm diễn biến không bình thường. Đặc biệt đợt lũ lên cao và kéo dài kết hợp với mưa lớn đầu tháng 8-1971 gây lũ lụt chưa từng có trong vòng 21 năm trước đó. Đảng bộ và nhân dân Bình Lục bền bỉ dũng cảm chống chọi với thiên tai, toàn huyện đã huy động hơn 6.000 gầu guồng, trên 100 máy bơm nước, với 44.400 công lao động chống úng hơn một tháng tại địa bàn huyện; đồng thời huy động trên 7.000 lao động trẻ khoẻ hỗ trợ các huyện bạn với 26.386 ngày công đào đắp 15.161 m³ đất, gieo giúp 80,5 mẫu mạ, góp 3.213 cây tre, hàng chục tấn khoai và khoai giống, hàng trăm tấn rơm và lá mía giúp huyện Kim Bảng.

Đại hội Đảng bộ huyện Bình Lục lần thứ 14 được tiến hành từ ngày 9 đến 11-11-1971, đã kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 13 trên tất cả các nhiệm vụ công tác: Đáp ứng yêu cầu chỉ viện tiên tuyến, tăng cường công tác quân sự địa phương, giữ gìn trật tự trị an, tiếp tục phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công tác xây dựng Đảng.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ những năm 1972-1973, chủ yếu cho năm 1972, là “Đáp ứng đầy đủ kịp thời yêu cầu về người và của cho tiên tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tập trung sức cải tạo đồng chiêm: làm thủy lợi, phân bón cải tạo đất đưa nông nghiệp phát triển theo phương hướng thâm canh, từng bước chuyên canh lấy lương thực, thực phẩm làm trọng tâm đồng thời đẩy mạnh toàn diện một cách hợp lý chủ yếu là tạo điều kiện để có những bước nhảy

vọt về cây lúa và con lợn. Đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối và các mặt hoạt động khác phát triển phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, tăng cường công tác quản lý, phấn đấu tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm để không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, tăng tích lũy cho hợp tác xã, tăng nhanh nông sản hàng hoá. Ra sức xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng vững mạnh về mọi mặt, tích cực giải quyết đầu yếu đưa phong trào lên đồng đều”.

Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ lớn cần tập trung hoàn thành, những mục tiêu phấn đấu cụ thể cho từng vùng và từng ngành.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 14, gồm 23 đồng chí (trong đó có 21 uỷ viên chính thức), đồng chí Nguyễn Trung Kiếu được bầu làm Bí thư Huyện uỷ .

Đợt lũ lụt tháng 8-1971 cho thấy rõ là huyện ở vùng đồng chiêm trũng, công tác thủy lợi luôn là biện pháp hàng đầu, có ý nghĩa sống còn đối với sản xuất và đời sống của nhân dân. Vì vậy, Huyện uỷ thường xuyên quan tâm chỉ đạo sát sao công tác thủy lợi: Ngày 10-12-1971, Huyện uỷ ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ công tác thủy lợi hai năm 1972-1973 nhất là năm 1972; ngày 27-11-1972 Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ công tác thủy lợi năm 1973. Thực hiện các Nghị quyết này, trong hai năm 1971-1972, nhân dân trong huyện đã đóng góp hơn

1 triệu ngày công lao động làm các công trình trung, tiểu thủy nông với khối lượng 2.031.963 m³ đất, 2.810 m³ đá, 395 m³ bê tông và hàng triệu viên gạch; hàng trăm công trình kênh mương đã được đào đắp tu sửa và nạo vét, xây đúc hàng trăm cống tưới tiêu, tu sửa hàng chục trạm bơm điện nhỏ và làm mới 2 trạm bơm điện nhỏ ở An Đổ, Bắc Khê. Đắp và coi cao đê bồi sông Sát. Đặc biệt, năm 1972 huyện đã tập trung lực lượng hoàn thành vượt mức khối lượng đào đắp tỉnh giao trên công trường Như Trác, một số đội thủy lợi chuyên của huyện được mang danh hiệu Trần Văn Chuông tại công trường. Việc kiến thiết đồng ruộng đã tập trung dứt điểm từng vùng, tôn cao hoàn chỉnh hàng trăm vùng mạ, vùng lúa; kiến thiết dứt điểm đồng bộ gần 6.000 ha và 2826 ha dứt điểm loại 2. Các đội thủy lợi được thành lập và củng cố, 73 hợp tác xã trong huyện đã có đội thủy lợi chuyên gồm 1.404 người, trong đó có 35 đảng viên và 792 đoàn viên thanh niên, 67/73 đội thủy lợi đã được Ủy ban hành chính tỉnh công nhận là đội 202. Ngoài đội chuyên còn có 33 đội bán chuyên, thường xuyên đào đắp, xây đúc các công trình thủy lợi cấp III, IV. Đội thủy lợi chuyên Mạnh Chư hai năm liền 1971-1972 được Chính phủ công nhận Đội Lao động XHCN. Đội thủy lợi Trung Sơn (xã La Sơn) là cờ đầu của huyện năm 1972.

Quán triệt Nghị quyết 161 của Hội đồng Chính phủ và Nghị quyết số 3 của Tỉnh ủy Nam Hà về tiến hành kiểm tra và thực hiện hoàn chỉnh qui hoạch thủy lợi, Thường vụ Huyện ủy quyết định đợt kiểm tra và thực hiện hoàn chỉnh

qui hoạch thuỷ lợi của huyện từ tháng 3 đến tháng 12.1972, trước hết tập trung kiểm tra hệ thống tưới Như Trác và hai hệ thống tiêu Vĩnh Trị, Cổ Đam, hệ thống tưới tiêu Hữu Bị; khu B (Hữu Bị) và hai xã An Đổ, Mỹ Thọ được chọn làm thí điểm để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng. Đến cuối năm 1972, hoàn thành việc kiểm tra và thực hiện hoàn chỉnh qui hoạch thuỷ lợi ở khu A và B.

Nhờ có công trình thuỷ lợi, phong trào sản xuất thâm canh có chuyển biến tiến bộ, từng bước khắc phục sự mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Trong hai năm 1969-1970, diện tích gieo trồng các vụ đều vượt kế hoạch từ 0,9% đến 7,7% như vụ mùa năm 1970. Năm 1971 diện tích vụ đông xuân vượt 1,1% kế hoạch (tăng 1,6% so với đông xuân 1970); đến năm 1972 do san lấp thùng đào thùng đấu và tăng vụ trên ruộng chuyên mạ nên đã vượt mức kế hoạch 1,5% (tăng 3,9% so với năm 1971), trong đó lúa tăng 1,1%, cây thực phẩm vượt 60% và cây công nghiệp vượt 25,8% kế hoạch (so với năm 1971 tăng 11,8%). Vụ mùa 1971 tuy bị úng ngập kéo dài, phần lớn diện tích phải cấy đi cấy lại 2-3 lần nhưng vẫn đảm bảo vượt kế hoạch 1%. Giống lúa mới và giống lúa ngắn ngày có năng suất cao được đưa vào sản xuất mỗi ngày một tăng, năm 1969 chiếm 14,2% diện tích, đến năm 1971 tăng lên 25,86% diện tích gieo cấy (gấp hai lần năm 1970). Năng suất lúa tăng lên đáng kể; năm 1969 đạt bình quân 19,38 tạ/ha hai vụ (vượt 25,2% năm 1968), màu lương thực vượt 17,7%, lúa xuân vụ đông xuân 1969-1970 đạt 16,69 tạ/ha, vụ đông xuân 1970-1971 toàn huyện đạt

20,52 tạ/ ha (bằng 108% kế hoạch), đây là vụ có năng suất lúa cao nhất kể từ 10 năm trở lại. Nhờ có diện tích và năng suất tăng lên, năm 1970 sản lượng lúa vượt 571 tấn so với năm 1969; năm 1971 đạt 16.797 tấn (đạt 109% kế hoạch và bằng 108,5% năm 1970). Toàn huyện có 20 xã và 73 hợp tác xã có sản lượng lúa cao hơn đồng xuân 1970; 62 hợp tác xã tăng từ 3 đến trên 100 tấn, trong đó hợp tác xã An Bài tăng 156 tấn; các xã Hưng Công, An Ninh, Đình Xá vượt kế hoạch sản lượng. Năm 1972, ảnh hưởng của thời tiết và sự mất cân đối giữa lúa xuân và chiêm nên năng suất lúa chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch, sản lượng lúa thấp hơn mức kế hoạch 3.000 tấn, giảm 295 tấn so với năm 1971. Bên cạnh cây lúa, việc trồng rau màu lương thực đã bù đắp được phần thiếu hụt của vụ mùa 1968 và những kỳ giáp hạt. Một số cây màu như ngô, khoai lang, đậu tương đều đảm bảo vượt diện tích và năng suất; cây khoai tây mới được đưa vào sản xuất nhưng đã đạt kết quả khá, năng suất tăng 2%, mở ra khả năng tăng vụ ba trên đồng ruộng Bình Lục.

Đi đôi với trồng trọt, chăn nuôi tiếp tục được giữ vững và có chuyển biến trên một số mặt. Mạng lưới thú y được mở rộng; 100% hợp tác xã có tủ thuốc thú y, tiêm phòng dịch bệnh nên đã hạn chế được nạn toi dịch. Đàn lợn tăng đều, năm 1969 vượt 7% kế hoạch, năm 1970 tăng 8% so với năm 1969; chăn nuôi tập thể có tiến bộ hơn, năm 1970 có 73 hợp tác xã đạt 60 con, hợp tác xã Mạnh Chư đạt 220 con lợn, đưa tổng đàn lợn của hợp tác xã tăng và vượt 2% so với năm 1969. Năm 1971, tổng đàn lợn có 33.795 con vượt 6,9% kế

hoạch (tăng 9,6% so với 1970) là năm cao nhất từ trước đến nay; trong đó lợn nái chiếm 12,3% tổng số. Tốc độ phát triển đàn lợn của hợp tác xã tăng khá, qui mô mở rộng (tổng số có 6.597 con, bình quân 91 con/HTX, vượt 13% kế hoạch, tăng 6,7% so với năm 1970). Đàn trâu bò tuy chỉ bằng 83% năm 1970 nhưng việc chăm sóc có chuyển biến, tình trạng trâu bò chết vì đói rét và loại thải đã giảm 15% so với năm trước. Đàn gia cầm tăng 2,8% so với năm 1970, riêng đàn vịt đẻ tăng 40,8%, một số hợp tác xã như Tân Lương, Mai Lương... kinh doanh vịt đẻ đã có lãi. Nhân thả các giống của quốc doanh và tập thể năm 1971 vượt 10% kế hoạch, tăng 29% so với năm 1970, diện tích thả cá chỉ tăng hơn 1970 là 1,2%.

Thuỷ lợi kết hợp chăn nuôi thả cá đem lại kết quả là tăng thêm nguồn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của Nhà nước và cải thiện đời sống nhân dân, tăng nguồn phân bón cho cây trồng, góp phần thực hiện phân công lao động mới trong nông nghiệp. Tuy vậy, thời kỳ này chăn nuôi còn bấp bênh mang tính chất thời vụ, nhìn chung đàn lợn, trâu bò, gia cầm phát triển chậm. Đàn lợn của hộ xã viên có chiều hướng giảm, toàn huyện có 46/78 HTX đàn lợn thấp hơn năm 1970, có những hợp tác xã tỷ lệ giảm sút nghiêm trọng như Nam Khê (54%), Liên Phong (84%), Ngọc An (81%); một số hợp tác xã chưa có chăn nuôi tập thể như Nam Khê, Nam Phong, Đông Tâm, Cao Cáo, Đông An và Bình Dương. Năng suất nuôi thả cá đạt thấp, bình quân mới đạt 3,1kg/sào ruộng, 30 kg/sào ao. Năm 1972, chăn nuôi giảm sút hơn năm 1971.

Tồn tại phổ biến trong nông nghiệp là năng suất cây trồng chưa ổn định, giữa các xã, các hợp tác xã diện tích còn lãng phí nhiều, tình trạng lấn chiếm ruộng đất và sử dụng ruộng đất sai mục đích vẫn còn; tốc độ phát triển chăn nuôi chậm; nhiều chỉ tiêu, nhiều hợp tác xã chưa đạt kế hoạch hoặc đạt quá thấp.

Nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, ngày 16-8-1971 Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Uỷ ban Nông nghiệp huyện và tháng 10-1971 Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chăn nuôi. Đồng thời, Huyện uỷ cũng quyết định thành lập Bộ phận Chỉ đạo phân bón cải tạo đất, giúp Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính nắm tình hình và đề xuất biện pháp, chính sách giải quyết và chỉ đạo cơ sở.

Việc thành lập các cơ quan chỉ đạo cho thấy Huyện uỷ rất coi trọng vai trò, vị trí số một của nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Để đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Hội nghị Thường vụ Huyện uỷ ngày 23-2-1972 nhất trí thông qua đề án “Tăng cường và kiện toàn sự chỉ đạo miền”. Hội nghị quyết định bố trí lại 5 miền và phân công các đồng chí Uỷ viên Thường vụ phụ trách từng miền.

Thông qua việc chỉ đạo miền giúp cho Huyện uỷ nắm chắc tình hình cơ sở đến hợp tác xã, đội sản xuất và đến từng cánh đồng, từ đó để nghiên cứu xác định phương hướng sản xuất thích hợp cho từng miền, xác định nội dung và qui hoạch tiến hành 3 cuộc cách mạng, củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng.

Bằng hoạt động thực tiễn, phong trào hợp tác hoá được ổn định, tỷ lệ ruộng đất tập thể hoá được nâng lên từ 92,2% năm 1970 tăng lên 96,7% năm 1971; số hợp tác xã có qui mô trên 100 ha chiếm 70% tổng số hợp tác xã. Thông qua phong trào lao động sản xuất và việc đưa điều lệ mới vào hợp tác xã có kết quả trên một số mặt: quyền dân chủ và quyền làm chủ của xã viên được phát huy; công tác “3 khoán, 3 quản”⁽¹⁾ trong các hợp tác xã có kết quả bước đầu, phấn đấu giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm và bảo đảm chính sách phân phối; phân công lao động có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng trồng trọt giảm dần, chăn nuôi và ngành nghề tăng lên tương đối; cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã được tăng cường, nhất là thủy lợi kiến thiết đồng ruộng, cải tạo đồng chiêm trũng, mở rộng diện tích, tăng vụ. Tổng thu nhập của 78 hợp tác xã năm 1971 đạt 9.850.758 đồng, bằng mức năm 1970. Bên cạnh những mặt tích cực, phong trào hợp tác hoá cũng bộc lộ những yếu kém, đó là: qui mô một số hợp tác xã còn nhỏ; ở một số nơi hộ cá thể còn nhiều; cơ sở vật chất kỹ thuật nhiều mặt chưa hoàn chỉnh và thiếu đồng bộ; công tác quản lý tư liệu sản xuất (nhất là ruộng đất) không chặt, quản lý lao động còn lỏng lẻo, lãng phí sức lao động còn lớn, quản lý tài vụ còn nhiều sơ hở.

Cùng với sản xuất trồng trọt và chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp được bảo đảm. Tổng giá trị sản lượng công

(1). “3 khoán”: Chi phí sản xuất, công điểm, sản lượng.

“3 quản”: Tư liệu sản xuất, tài chính, lao động.

nghiệp, thủ công nghiệp năm 1969 vượt 4% kế hoạch; năm 1971 vượt 12,6% kế hoạch (so với năm 1970 tăng 10%), trong đó nhóm A vượt 11%, nhóm B vượt 13% kế hoạch. Năm 1972 chỉ đạt 99% kế hoạch, những mặt hàng sản xuất từ nguyên liệu địa phương chiếm từ 30-40%, hàng thủ công do các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất chủ yếu là gạch, ngói, rèn, mộc, vượt 34% kế hoạch, tăng gần 2 lần năm 1971. Xưởng cơ khí Tiến Thành đã sản xuất được một số nông cụ như cày, bừa, xe cải tiến, thuyền, mai bàn, kéo cắt đất phục vụ yêu cầu sản xuất và thủy lợi. Các nghề sừng xuất khẩu, ren, nhuộm, dệt đã thay đổi được mẫu mã mặt hàng và tăng thêm mặt hàng mới. Một số cơ sở sản xuất đạt và vượt mức kế hoạch như dệt Ngọc Lũ, Ngọc Thắng, Mùa Xuân; sừng Thanh Sơn; may Ngọc Bình, Tân Mỹ và màn Bình Nghĩa.

Sau nhiều năm phấn đấu gian khổ, nhất là hai năm 1971-1972, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền các cấp và sự hỗ trợ của Nhà nước, theo hướng giao thông vận tải kết hợp thủy lợi đã hình thành mạng lưới đường bộ, đường thủy rộng khắp trong huyện, từ nhà kho sân phơi ra đồng ruộng, nối liền các trục liên thôn liên xã với các trục đường chính của huyện, tỉnh. Toàn huyện có 5 tuyến đường ngang với chiều dài 46,5 km và 5 tuyến đường dọc dài 56 km, cùng với các đường trục liên xã, đường trục xã, hợp tác xã và đường nông thôn tạo thành hệ thống đường bộ với tổng chiều dài hàng ngàn km. Về hệ thống đường thủy, ngoài 3 sông là Châu Giang, Sát, Ninh Giang, đã đào mới 6 sông máng lớn và vừa với tổng chiều dài 113 km bao bọc xung

quanh huyện, nối liền 3 trục chính là sông Châu Giang, sông Sắt và sông Biên Hoà. Cùng với sự phát triển của mạng lưới giao thông thuỷ bộ, lực lượng vận tải cũng tăng lên đáng kể. Lực lượng vận tải chủ lực gồm hợp tác xã vận tải đường sông Thành Công có 52 lao động, 21 chiếc thuyền tổng trọng tải 146 tấn; 1 tổ vận tải thuyền chuyên nghiệp Ngô Khê có 28 lao động và 13 chiếc thuyền tổng trọng tải 106 tấn; tổ vận tải thuyền bán chuyên 21 chiếc, tổng trọng tải 48 tấn; 1 hợp tác xã xe bò kéo gồm 54 lao động, 27 xe tổng trọng tải 35 tấn; 1 hợp tác xã xe xích lô 57 xe. Ngoài ra còn có hàng ngàn thuyền tre, gỗ loại nhỏ và hàng ngàn chiếc xe cải tiến. Mặc dù lực lượng vận tải còn nhỏ bé nhưng đã góp phần tích cực trong việc đảm bảo vận chuyển phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân trong huyện. Song nhìn chung phong trào giao thông nông thôn còn hạn chế, đường sá nhiều nhưng chưa được cải thiện, một số trục đường liên xã- hợp tác xã xe chưa vào được; nạn đào xẻ đường chống hạn, úng phục vụ trước mắt không được tu sửa kịp thời; việc sử dụng bảo quản phương tiện vận chuyển còn kém.

Các ngành Tài chính, Thương nghiệp cố gắng tiến bộ, khắc phục khó khăn đáp ứng yêu cầu cấp thiết của sản xuất, chiến đấu và đời sống. Mạng lưới hợp tác xã mua bán ổn định và kinh doanh có lãi, một số nơi đã tìm hàng để mua, tìm người để bán. Công tác quản lý sử dụng, huy động vốn, thu hồi nợ có kết quả hơn các năm trước.

Tháng 4-1972, với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ dùng không quân, hải quân đánh phá trở lại miền

Bắc nước ta với qui mô lớn và ác liệt chưa từng có; máy bay chiến lược B52 và các loại máy bay hiện đại nhất được Mỹ huy động vào cuộc chiến tranh huỷ diệt miền Bắc. Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi đồng bào, chiến sỹ cả nước sẵn sàng đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự mới của Mỹ và tay sai.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Bình Lục khẩn trương bước vào cuộc chiến đấu mới; các đơn vị trực chiến phòng không sẵn sàng ở vị trí chiến đấu; hầm hào phòng tránh được tu sửa lại vững chắc và làm thêm nhiều hầm hố mới; ở những nơi trọng điểm, người và tài sản sẵn sàng sơ tán đến nơi an toàn. Quán triệt tinh thần kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đến toàn thắng, công tác quân sự địa phương được Huyện uỷ chủ trương “Kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, đẩy mạnh sản xuất với sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đáp ứng đầy đủ, kịp thời và tốt nhất mọi yêu cầu chi viện về người và của đối với tiền tuyến đi liền với thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội, tăng cường củng cố xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh lấy nâng cao chất lượng là chủ yếu, bảo đảm thường xuyên nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, giữ vững trật tự trị an, đẩy mạnh phát triển kinh tế-văn hoá, tập trung sức cải tạo đồng chiêm phấn đấu giành 3 mục tiêu trong nông nghiệp tích cực góp phần củng cố hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, lực

(1). Nghị quyết số 42 ngày 17-3-1972 của Huyện uỷ về công tác quân sự địa phương.

lượng dân quân tự vệ được củng cố và tăng cường về mọi mặt; số lượng luôn giữ ở mức ổn định trên dưới 11% tổng số dân trong huyện, đội ngũ cán bộ chỉ huy xã đội, đại đội đến tiểu đội được đảm bảo về chất lượng; việc huấn luyện quân sự chính trị luôn được hoàn thành nhằm nâng cao trình độ kỹ chiến thuật và chính trị tư tưởng của cán bộ, chiến sỹ nâng lên. Năm 1972 có 8 xã (Đồng Du, Bồ Đề, Vụ Bản, Bối Cầu, Trịnh Xá, An Nội, Mỹ Thọ, Hưng Công) và 14 trung đội dân quân ở các hợp tác xã đạt danh hiệu Quyết thắng.

Cùng với củng cố lực lượng dân quân tự vệ, các đội công binh nhân dân và đội giao thông hoả tốc được thành lập nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, giải phóng mặt bằng đảm bảo giao thông vận tải thông suốt và truyền đạt những chỉ thị, mệnh lệnh khẩn cấp về chiến đấu, sản xuất đến cơ sở.

1. Nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến được bảo đảm. Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, các tổ chức đoàn thể quần chúng, nhất là thanh niên lương- giáo tự nguyện hăng hái tòng quân, góp phần hoàn thành tốt các đợt tuyển quân hàng năm cả về số lượng, chất lượng và thời gian giao quân. Năm 1970 cả 3 đợt tuyển quân toàn huyện vượt 0,5%, năm 1972 hoàn thành 101% kế hoạch và bằng 106% năm 1971. Các xã hoàn thành tốt như Quế Sơn, Đồng Du, Vụ Bản, Trịnh Xá...; một số xã như Ngọc Lũ, Tràng An, An Mỹ, Bình Nghĩa, Tiêu Động trước đây yếu, nay đã vươn lên hoàn thành vượt mức kế hoạch. Năm 1971, lương thực, thực phẩm thu

mua cung cấp cho tiền tuyến vượt 5,6% kế hoạch về lương thực (tăng 2,6% so với 1970), thực phẩm tăng 7% so với 1970. Năm 1972, lương thực nhập kho vượt 1,4% kế hoạch và bằng 123,6% năm 1971. Từ tháng 6-1969, Bình Lục còn là nơi nuôi dưỡng thương, bệnh binh của đoàn 586. Cùng với công tác tuyển quân và chi viện sức của cho tiền tuyến, toàn huyện đã huy động một lực lượng đáng kể lao động trẻ khoẻ đi thanh niên xung phong, công nhân quốc phòng, dân công hoả tuyến phục vụ tuyến lửa và phục vụ xây dựng nhà máy điện Ninh Bình, vôi Kiện Khê, v.v... Trong số đó đã có những đơn vị tiêu biểu như: Đội dân công hoả tuyến, tiểu đội dân quân được cử đi chiến đấu ở miền Nam⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị 15 ngày 23-12-1971 của Thường vụ Tỉnh uỷ và Nghị quyết 52 ngày 18-1-1972 của Thường vụ Huyện uỷ về “tăng cường lãnh đạo thực hiện chính sách hậu phương quân đội”, trong điều kiện chiến tranh và kinh tế còn nghèo nhưng chế độ chính sách cho các đối tượng chính sách vẫn được bảo đảm. Một số cán bộ tham ô, bớt xén phụ cấp của gia đình B, C ở An Ninh, Trung Lương bị xử lý nghiêm khắc. Công tác khen thưởng gia đình quân nhân chống Mỹ, cứu nước, gia đình cơ sở tiền khởi nghĩa được tiến hành kịp thời.

(1). Đội dân công hoả tuyến gồm 97 người phục vụ 14 tháng trong tuyến lửa. Đội đã được Bình trạm 14 để nghị tặng thưởng Huân chương Chiến công và nhiều Bằng khen, Giấy khen cho cá nhân:

- Tiểu đội dân quân 10 người đã cùng với đơn vị bộ đội chiến đấu dũng cảm 16 tháng tại miền Nam, 2 người được thưởng Huân chương Chiến công, và nhiều Bằng khen, Giấy khen. (Báo cáo của UBHC huyện tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng Nhân dân huyện khoá 6).

Phong trào xây dựng xã vững mạnh về trật tự trị an và xây dựng cơ quan an toàn được đẩy mạnh. Hầu hết cán bộ công an cơ sở được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Hàng ngàn quần chúng, nhất là ở vùng xung yếu và ven đường giao thông lớn đã được học tập công tác trị an. Sự phối hợp giữa các ngành Công an, Tòa án, Kiểm soát, Huyện đội trong khối nội chính có tiến bộ hơn. Những thủ đoạn chiến tranh tâm lý, tề nạn xã hội được chú ý ngăn chặn, trật tự an ninh trên địa bàn huyện được giữ vững, ổn định.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Các hoạt động văn nghệ, chiếu phim có tiến bộ đạt cả về số lượng phục vụ, nội dung chính trị và doanh thu. Phong trào thể dục thể thao có bước chuyển biến, số huấn luyện viên được đào tạo lên tới 40 người. Thể dục giữa giờ buổi sáng được duy trì ở các cơ quan, trường học. Toàn huyện đã có 25 đội bóng chuyên, 2 đội bóng đá và 350 vận động viên bóng bàn. Năm 1972 tổ chức thi đấu kiểm tra kỹ thuật một số môn thể dục thể thao cho các đối tượng dân quân, thiếu niên, học sinh thu hút 600 người tham gia.

Phong trào xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hoá mới thu hút hàng ngàn gia đình đăng ký thực hiện. Năm 1971, toàn huyện có 300 hộ (tăng 197 hộ so với năm 1970) đến năm 1972 có 2.817 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá mới.

Trong các trường phổ thông, phong trào học tập các điển hình tiên tiến thi đua hai tốt của Trường cấp II Bắc Lý, cấp II Cẩm Bình, Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hoà

Bình thu được kết quả tốt. Đội ngũ giáo viên và học sinh các cấp ngày càng tăng, năm học 1971-1972 toàn huyện đã có 846 giáo viên và 27.182 học sinh phổ thông từ cấp I đến cấp III, 199 lớp mẫu giáo lớn và nhỏ với 6.500 cháu theo học. Hệ bổ túc văn hoá được duy trì thường xuyên với 134 lớp gồm hơn 1.000 người học, đã có 22 giáo viên phổ thông chuyên trách bổ túc văn hoá.

Mạng lưới y tế được củng cố và tăng cường thêm trang thiết bị, trong đó bệnh viện lao được xây dựng với qui mô 30 giường bệnh; chất lượng điều trị được nâng lên, tỷ lệ tử vong giảm từ 0,82% năm 1971 xuống 0,72% năm 1972. Trong hai năm 1971- 1972, ngành y tế huyện đã phối hợp với Viện mắt Trung ương chữa bệnh đục thủy tinh thể cho gần 100 người mù, trong số này hầu hết là các đối tượng thuộc gia đình chính sách. Đến năm 1971, việc chữa bệnh đau mắt hột đã căn bản hoàn thành. Phong trào vệ sinh phòng bệnh tiếp tục được duy trì và đạt kết quả tốt. Năm 1972, số giếng khơi, nhà tắm, nhà xí hai ngăn tăng 1,5 lần năm 1970; gần 3.000 cháu được tiêm phòng bại liệt. Tuy nhiên, việc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở thời kỳ này còn rất yếu, tỷ lệ sinh đẻ khá cao (3,5%) trong khi chỉ tiêu vận động từ 2,4 đến 2,7%.

3. Khôi phục và phát triển kinh tế- văn hoá, tiếp tục chi viện sức người sức của cho cách mạng miền Nam (1973-1975).

Với những thất bại nặng nề liên tiếp ở chiến trường miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc,

ngày 27-1-1973 để quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Ngày 29-3-1973, Mỹ cuốn cờ và rút tên lính cuối cùng khỏi miền Nam nước ta, kết thúc ba thập kỷ dính líu quân sự trực tiếp của Mỹ tại Việt Nam. Sự kiện đó đã mở ra thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam trên con đường đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Quán triệt sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế ba năm 1973-1975 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Nam Hà, Hội nghị Huyện uỷ ngày 10-3-1973 đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chung của năm 1973 là “Nhanh chóng chuyển mọi hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, ra sức phát triển kinh tế -văn hóa, đặc biệt tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, đồng thời phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối, mở rộng sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế... tăng cường công tác quản lý kinh tế gắn liền với kỹ thuật phấn đấu tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy xã hội chủ nghĩa, tăng nông sản hàng hoá và cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Thường xuyên nâng cao cảnh giác, tăng cường công tác quân sự địa phương, bảo đảm giữ vững trật tự an ninh trong tình hình mới, đáp ứng đầy đủ kịp thời và tốt nhất mọi yêu cầu chi viện cho cuộc đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng vững mạnh, tích cực giải quyết đầu yếu, khâu yếu đưa phong trào tiến lên đồng đều, vững chắc”⁽¹⁾.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình trong giai đoạn mới của cách mạng, từ ngày 8 đến 10-12-1973 đã diễn ra Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 15. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 14, Đại hội khẳng định: “Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã kiên trì, dũng cảm chiến đấu khắc phục khó khăn, chiến thắng thiên tai, địch họa, quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội 14 nên đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ cung cấp người, lương thực cho Nhà nước và tiền tuyến; kịp thời tổ chức chiến đấu, sơ tán che phòng chống chiến tranh phá hoại; bảo đảm giữ vững trật tự trị an và có nhiều tiến bộ về chấp hành chính sách hậu phương quân đội. Sản xuất nông nghiệp cả năm 1972 đạt thắng lợi khá và tương đối toàn diện, công tác quản lý kinh tế áp dụng khoa học kỹ thuật đã có tiến bộ nhanh, con lợn được giữ vững và phát triển, con vịt và cây trồng có tiến bộ rõ, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng lên. Bảo đảm giữ vững đời sống; sự nghiệp giáo dục, y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân và thông tin văn hoá tiếp tục phát triển, trên một số mặt có tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng được chú trọng”.

(1). Nghị quyết số 4 Hội nghị Huyện uỷ ngày 10-3-1973.

Đại hội đã nghiêm túc chỉ ra những yếu kém cần khắc phục, đó là: Sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, năng suất lúa chưa ổn định, chưa vững chắc, vụ chiêm xuân 1973 đạt kết quả thấp; đàn lợn phát triển chậm và còn lệ thuộc vào trồng trọt, tính mùa vụ còn biểu hiện rõ; tốc độ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật chậm; 5 mũi tiến công chưa đều⁽¹⁾, thực hiện các biện pháp liên hoàn chưa trở thành phong trào quần chúng, nhiều chỉ tiêu, nhất là chỉ tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm chưa đạt kế hoạch, có mặt có chỉ tiêu đề ra chưa xuất phát từ đặc điểm và chưa tích cực tạo điều kiện để thực hiện. Xu thế phát triển sản xuất còn nhiều mặt chưa đi đúng với qui luật chung, có mặt có nơi chững lại. Các mặt sản xuất thủ công nghiệp, tài chính, tín dụng, cung cấp vật liệu, lưu thông phân phối, nhiệm vụ chi viện tuyển quân, xây dựng lực lượng, giữ gìn trật tự an ninh còn yếu, chưa đồng đều thiếu vững chắc. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế chưa quán triệt sâu sắc cuộc cách mạng văn hoá tư tưởng và mục tiêu giáo dục đào tạo con người mới. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng tiến bộ chậm, chưa ngang tầm nhiệm vụ, chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới cả về tư tưởng, tổ chức và giữ gìn kỷ luật.

Căn cứ vào tình hình thực tế của huyện, Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ hai năm 1974- 1975 là “Tập trung

(1). Năm mũi: Thủy lợi, giao thông vận tải, kỹ thuật, giống, vật liệu xây dựng và xây dựng cơ bản.

sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cải tạo đồng chiêm bằng thủy lợi và cải tạo đất, tạo điều kiện đưa sản xuất nông nghiệp tiến một cách ổn định, vững chắc làm tiền đề vật chất đưa sản xuất nông nghiệp đồng chiêm tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất, đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp, ra sức phát triển giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, tăng cường thị trường xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xây dựng con người mới, tích cực thực hiện sự phân công lao động mới, tăng năng suất lao động. Tăng cường quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy, tăng sản lượng hàng hoá, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. củng cố phát triển mạnh lực lượng quân sự địa phương, giữ gìn trật tự trị an. Ra sức xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể vững mạnh cả về tư tưởng và tổ chức, tích cực giải quyết đầu yếu, khâu yếu, đưa phong trào tiến lên mạnh mẽ đồng đều”.

Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên, Đại hội thông qua mục tiêu phấn đấu của từng ngành; của công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 15. Đồng chí Đặng Văn Ngự được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 15, huyện đi vào chỉ đạo điểm tiểu vùng kinh tế khu B, gồm đủ ba loại hợp tác xã: tiên tiến, trung bình và kém. Nội dung chỉ đạo bắt đầu từ xác định phương hướng sản xuất, xây dựng

cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật mới, cải tạo đồng chiêm, thực hiện các chế độ nguyên tắc về quản lý kinh tế, kỹ thuật, xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ, nhằm khai thác tiềm năng sẵn có của vùng, phát triển sản xuất một cách toàn diện, tạo ra nhiều nông sản hàng hoá, tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống nông dân và sớm thực hiện 3 mục tiêu trong nông nghiệp⁽¹⁾, qua đó để áp dụng ra toàn huyện.

Kết quả của việc chỉ đạo điểm có tác động tích cực đến củng cố quan hệ sản xuất, thúc đẩy phong trào phát triển mạnh. Ngày 20-7-1973, Huyện uỷ đề ra kế hoạch hợp nhất mở rộng qui mô hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mùa Thu năm 1973, với phương châm “Phát huy dân chủ, đoàn kết phấn khởi; thận trọng và vững chắc; chuẩn bị chu đáo, tiến hành nhanh gọn; vừa hợp nhất, vừa đẩy mạnh sản xuất”. Sau hai năm thực hiện, qui mô hợp tác xã được mở rộng, từ 78 hợp tác xã cuối năm 1971 hợp nhất còn 45 hợp tác xã vào cuối năm 1974, bình quân mỗi hợp tác xã có 419 hộ, 901 lao động và 231 ha đất canh tác. Nhiều hợp tác xã đã tiến hành tổ chức lại sản xuất, xác định phương hướng sản xuất, tổ chức và củng cố bộ máy quản lý, nhất là bố trí cán bộ cốt cán, phân công lại lao động, ổn định qui mô đội sản xuất, thực hiện chế độ quản lý mới, tạo ra sự chuyển biến về áp dụng khoa học kỹ thuật, về khí thế lao động và năng suất lao động.

(1). Ba mục tiêu: 5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động/1ha gieo trồng (chú dẫn ở trang 174).

Phong trào làm thuỷ lợi tiếp tục được duy trì và ngày càng có hiệu quả. Đến năm 1974, toàn huyện có 66 đội thuỷ lợi 202 gồm 2500 đội viên. Năm 1972, huyện thành lập Trạm quản lý thuỷ nông, gồm 50 cán bộ công nhân viên phục vụ ở 3 cụm trên 3 khu A, B, C. Ở các hợp tác xã còn có các đội, tổ thuỷ nông kiến thiết đồng ruộng gồm 2.700 người.

Với đặc điểm là huyện vùng chiêm trũng, diện tích tự nhiên 14.600 ha, diện tích canh tác 10.600 ha, diện tích cấy lúa 8.625 ha trước đây thường chỉ cấy một vụ, năng suất rất thấp (30 kg/sào). Từ năm 1958-1965, Bình Lục làm thuỷ lợi phần lớn đào sông tiêu và đắp vùng chống úng. Năm 1967 trở đi, được Nhà nước đầu tư xây dựng trạm bơm Hữu Bị, Như Trác lấy nước tưới cho đồng ruộng, hầu hết sông tiêu phải lấp để làm máng tưới như kênh Đông và kênh chính Tây Bắc. Trong ba năm 1973-1975, nhân dân Bình Lục đã đào đắp các loại kênh cấp I, II, III (kể cả tưới tiêu) và kênh khoảnh với tổng số 2.216 hạng mục công trình, gồm 2.950.830 m³; xây đúc các loại cống cấp I, II, III (kể cả tưới tiêu) và cống khoảnh, cống luồn, trạm bơm, với tổng số 2.148 công trình; hoàn chỉnh toàn bộ kênh tưới chính từ An Thái đến thôn Lan, từ cống Mỹ Duệ đến Sui và 37 kênh tưới cấp II hệ thống Như Trác, các cống tưới tiêu trên các kênh cấp II hệ thống Cổ Đam, Vĩnh Trị... Như vậy là, sau 18 năm phấn đấu không mệt mỏi trên mặt trận thuỷ lợi, nhất là ba năm 1973-1975, hệ thống thuỷ nông trên địa bàn huyện đã được hoàn chỉnh, diện tích thông nước đến cấp III và đến khoảnh

đạt 8.625 ha (100%); trong đó diện tích hoàn chỉnh loại I đạt 7.700 ha (89,3%), loại 2 đạt 925 ha (10,7%); diện tích tưới chủ động đạt 6.222/8.625 ha. Về cơ bản, nạn úng ngập, hạn hán đã được giải quyết; nước tiêu được qua 3 trạm bơm lớn của tỉnh là Hữu Bị, Vĩnh Trị và Cổ Đàm; nước tưới có hai trạm bơm là Như Trác và Hữu Bị.

Bên cạnh việc đảm bảo công tác thuỷ lợi, hoàn chỉnh thuỷ nông trên địa bàn huyện, Bình Lục còn đóng góp tích cực trên các công trình thuỷ lợi trọng điểm của tỉnh.

Hà Nam có tuyến đê sông Đáy dài 118 km, hàng năm đều củng cố tu bổ. Đợt lũ lớn năm 1971, phân lũ ở Phủ Lý mới ở mức +4,12m, nhiều đoạn đã bị sạt lở và dò rỉ nghiêm trọng, nhiều đoạn còn thấp và nhỏ, nền móng đất cát yếu; một số đoạn như thị xã Hà Nam, đầu cầu Đoan Vĩ, đầu cầu Ninh Bình, v.v... bị bom Mỹ đánh phá hư hỏng. Để đảm bảo tính mạng, tài sản của nhân dân, của Nhà nước, của hợp tác xã, Chính phủ giao nhiệm vụ đắp đê sông Đáy cho 3 tỉnh là Nam Hà, Hà Tây, Ninh Bình và huy động lực lượng của các tỉnh Thái Bình, Hà Nội, Hải Hưng, Hải Phòng, Hà Bắc và lực lượng bộ đội, sinh viên tham gia chiến dịch đắp đê. Thực hiện chủ trương của Chính phủ và kế hoạch của tỉnh giao, quý I-1973 Bình Lục tập trung lực lượng hoàn thành trước thời hạn nhiệm vụ đắp đê thị xã Phủ Lý với khối lượng 10.000 m³ đất. Đầu năm 1975, hơn 3.000 đội viên đội 202 và lao động khoẻ đã được huy động tham gia chiến dịch đắp đê sông Đáy, sau hai đợt lao động tích cực khẩn trương, Bình Lục hoàn thành 70.000m³, xong trước mùa lũ 30-4-1975.

Năm 1974, sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khả quan: Tổng diện tích gieo trồng vượt 5,7% kế hoạch, tăng 16,1% so với năm 1973 (cả năm 1973 đạt 14.903, 67 ha), trong đó cây lương thực tăng 27%; 42/45 hợp tác xã vượt diện tích lúa, trong đó có 9 hợp tác xã vượt từ 10 đến 15% là Tràng Duệ, An Cước, Đồng Tâm (Đồng Du), Cao Cái, An Thái, Tứ Mỹ, Ngọc Tân, Ngọc Thắng, Văn Ấp. Cây công nghiệp vượt 17,2% kế hoạch, riêng mía vượt 3%. Toàn huyện đạt 5,7 tạ trên toàn bộ diện tích và 5,9 tạ trên chân ruộng hai vụ, vượt 28,6% kế hoạch. Năm đầu tiên Bình Lục vượt qua cửa ải 5 tấn thóc/ha cả năm trên toàn bộ diện tích, 27/45 hợp tác xã đạt từ 5-8 tấn/ha trên ruộng hai vụ lúa, trong đó có 3 hợp tác xã đạt từ 7 tấn trở lên là Mạnh Tiến, Mạnh Chư và Mỹ Thọ. Tổng sản lượng lương thực vượt 26% kế hoạch, trong đó lúa vượt 31%, màu lương thực tăng 25,7%, là năm có tổng sản lượng cao chưa từng có; 41/45 hợp tác xã đạt và vượt kế hoạch sản lượng, trong đó có 13 hợp tác xã vượt từ 30-52% là Bối Cầu, Phú Lai, Phú Bình, Tứ Mỹ, An Lão, La Hào, Mạnh Tiến, Mạnh Chư, Mỹ Thọ, Cao Cái, An Mỹ, Nhân Nghĩa, Đồng Tâm (Đồng Du).

Thực hiện Tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, phong trào trồng cây có chuyển biến mạnh mẽ. Trong hai năm 1973-1974 toàn huyện đã trồng 1.445.600 cây các loại, trong đó có 262.700 khóm tre, mây. Các xã và hợp tác xã như Thượng Xuân, Mạnh Tiến, Cát Lại, Hưng Công, Tân Lương có phong trào trồng cây khá.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi có tiến bộ. Đến cuối năm 1974, tổng đàn lợn vượt 2,1% kế hoạch so với năm 1973; trong đó đàn lợn của hộ xã viên mỗi năm một tăng (năm 1973 tăng 7,5 % so với năm 1972, năm 1974 tăng 9,4% so với 1973); các hợp tác xã như Ngô Khê, Cát Lại, An Thắng, Thống Nhất, Hưng Đông, Hưng Công, Ngọc Tiến, An Ninh, Vũ Thành đạt mục tiêu 2 con lợn/ha gieo trồng. Tổng đàn gia cầm đến năm 1973 đã có gần 40 vạn con, trong đó đàn vịt đạt gần một vạn con (tăng 33% so với năm 1972); các hợp tác xã chăn nuôi vịt có lãi như Tân Lương, Mạnh Chư, Thành Thị và Mạnh Tiến.

Bên cạnh việc chỉ đạo phát triển kinh tế tại địa phương, cuộc vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở các tỉnh miền núi được các cấp uỷ Đảng chỉ đạo chặt chẽ. Từ năm 1965 đến 1975, huyện đã vận động và tổ chức đưa 1.285 hộ gồm 8.203 người đi xây dựng phát triển kinh tế- văn hoá miền núi, trong số đó có 197 đảng viên, 25 chi uỷ, đảng uỷ và 1 đồng chí huyện uỷ viên. Bình Lục kết nghĩa với Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên), tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân Bình Lục đi tham gia phát triển kinh tế - văn hoá trên địa bàn miền núi Đại Từ. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng hầu hết các hộ đã yên tâm ổn định cuộc sống, nhiều gia đình có thu nhập kinh tế khá. Nhiều hợp tác xã nông lâm nghiệp theo hai hình thức độc lập và xen ghép của nhân dân Bình Lục đi khai hoang đã được thành lập tại quê hương mới.

Các ngành thủ công nghiệp, giao thông vận tải, lưu thông phân phối đã chuyển hướng kịp thời và chủ động, từ sản xuất

tử, báo tin, giải quyết tiền tuất, trợ cấp B, C, v.v... hạn chế thấp nhất những sai sót về đối tượng, tiêu chuẩn cũng như lợi dụng tham ô, bớt xén. Việc đón nhận và xây dựng cơ sở sản xuất cho thương binh được chú trọng giải quyết. Kết quả đó góp phần động viên cổ vũ con em hăng hái lên đường tòng quân, làm yên lòng những chiến sỹ chiến đấu trên mặt trận.

Chiến thắng vĩ đại Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn vào 30-4-1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, tạo nên không khí phấn khởi trong toàn huyện. Thực hiện Chỉ thị số 220-CT/TW ngày 5-5-1975 của Bộ Chính trị, trong không khí hào hùng của dân tộc, hàng ngàn cán bộ, đảng viên, chiến sỹ và nhân dân Bình Lục phấn khởi mít tinh, diễu hành, hoạt động văn hoá, thể thao mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc và Lễ kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu; biểu lộ niềm hân hoan phấn khởi và lòng tự hào trước những thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp cách mạng và tiền đồ tươi sáng của dân tộc; biến niềm phấn khởi và tự hào thành hành động cách mạng thiết thực.

Tháng 5-1975, Đảng bộ Bình Lục tiến hành Đại hội lần thứ 16. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đại hội 15, Đại hội khẳng định “Quán triệt và vận dụng tinh thần cơ bản các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương